

HỒ QUANG MINH - TRỊNH THỊ THANH HOA

GIÁO ÁN MẦM NON

HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI

Chữ viết



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

HỒ QUANG MINH - TRỊNH THỊ THANH HOA

GIÁO ÁN MẦM NON

HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI CHỮ VIẾT

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2010

LỜI NÓI ĐẦU

Từ năm học 2009 - 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai áp dụng Chương trình giáo dục mầm non mới, chủ trương về việc chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non, đồng thời đào tạo bồi dưỡng giáo viên mầm non, tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện khác để nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Đây là căn cứ để triển khai và chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non, là căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện khác để nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Nội dung Chương trình giáo dục mầm non mới có nhiều đổi mới, cả về chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy hướng đến phát triển toàn diện, liên tục của trẻ và đảm bảo sự đáp ứng đa dạng vùng miền và đối tượng trẻ.

Việc xây dựng và triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới theo hướng tích hợp các nội dung chăm sóc, giáo dục theo chủ điểm, tổ chức các hoạt động cho trẻ, đặc biệt là hoạt động vui chơi, phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý lứa tuổi, yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Để cung cấp tài liệu cho các thầy cô giáo trong công tác triển khai chương trình Giáo dục Mầm non mới cũng như cung cấp các giáo cụ trực quan trong các buổi lên lớp hàng ngày của giáo viên tại các lớp Mầm non, với sự tư vấn, giúp đỡ của Giáo sư - Tiến sĩ Đinh Hồng Thái - Giảng viên Khoa Mầm non trường Đại học Sư phạm Hà Nội, chúng tôi tổ chức biên soạn sách **Giáo án mầm non - Hoạt động làm quen với chữ viết**; với những bài soạn được chuẩn bị để cương một cách chu đáo, chúng tôi mong muốn gửi đến các thầy cô giáo, các em học sinh những kiến thức cần thiết và hữu ích nhất trong việc dạy và học.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và quý bạn đọc để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

TM nhóm tác giả

HỒ QUANG MINH

LÀM QUEN CHỮ A, Ẫ, Ậ

(Bài 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Trẻ nắm được nội dung câu chuyện.
- Thông qua câu chuyện nhận trẻ, biết chữ *a*, *ă*, *ậ* và phát âm *a*, *ă*, *ậ*.
- Khuyến khích trẻ nhận ra âm *a*, *ă*, *ậ* và nhóm chữ *a*, *ă*, *ậ* trong các tiếng, từ.

2. Kỹ năng

- Phát âm đúng *a*, *ă*, *ậ*.
- Biết so sánh những đặc điểm giống và khác nhau giữa các chữ *a*, *ă*, *ậ*.
- Trẻ biết lắng nghe âm, tìm tiếng có chứa âm *a*, *ă*, *ậ*.

3. Phát triển

- Trẻ biết sử dụng kỹ năng tạo hình, vận động, trò chơi để nhận biết, khám phá nhóm chữ *a*, *ă*, *ậ*.
- Trẻ biết đặt câu với một số từ gần gũi với trẻ có chứa chữ *a*, *ă*, *ậ*.

4. Giáo dục

- Những thói quen, nề nếp học tập cần thiết để chuẩn bị vào lớp 1.
- Mạnh dạn trả lời câu, chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của cô.
- Biết phối hợp theo nhóm, tổ.

II. PHƯƠNG PHÁP - BIỆN PHÁP

- Chủ đạo: kể chuyện, đàm thoại.
- Kết hợp: trò chơi, luyện tập.
- Hình thức: nhóm lớn, nhóm nhỏ.

III. CHUẨN BỊ

1. Đối với GV

- Cùng trẻ tạo môi trường chữ phù hợp chủ đề “GIA ĐÌNH” (viết các bài thơ, câu đố, câu chuyện có những nhóm chữ *a*, *ă*, *ậ*).
- Có bảng chữ *a*, *ă*, *ậ* ở những dạng chữ khác nhau (in, thường, hoa).
- Thẻ từ: cái bàn, cái ấm, cái khăn và các từ khác có trong chữ viết trên.

- Bảng, đàn, cát-sét, đĩa nhạc.
- Cô kể câu chuyện, đọc thơ có chứa nhóm chữ *a, ă, â* vào mọi lúc mọi nơi cho trẻ nghe.
- Trẻ tập làm quen viết các nhóm chữ trên qua các hình thức: tập tô, cắt dán, viết theo mẫu của cô qua hình thức làm thiệp, làm truyện tranh.

2. Đối với trẻ

- Chuẩn bị bài tập cho mỗi nhóm trẻ.
- Thẻ bài chơi vận động.
- Vòng, gạch xây dựng.

* Nội dung lồng ghép

- Kể chuyện: *Câu chuyện đêm trăng*.
- Vận động âm nhạc: *Bài ca đi học, Vui đến trường*.
- Làm quen với toán: phân nhóm số lượng 6.
- Vận động: vận động chạy, bật.

IV. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Dẫn dắt - Vận động theo nhạc: “Bài ca đi học”. - Cô kể chuyện: “Câu chuyện đêm trăng”. - Cô kể chuyện kết hợp chỉ vào những lời kể theo tranh, nhấn mạnh vào nhóm chữ cần học. * Hoạt động 2: Khám phá - Cô giáo đàm thoại về lời của nhân vật. - Cô hỏi: Ai đã nói “Tôi là người quan trọng nhất?”. - Cô cho trẻ lên tìm thẻ từ “cái bàn”. → Trẻ tìm chữ <i>a</i> trong thẻ từ → Trẻ phát âm, cô phát âm chuẩn cho trẻ lắng nghe. - Cô đàm thoại: + Ai đã nói: “Hứ! Tôi mới là người quan trọng”?	- Trẻ vận động tự do theo cô: trẻ vỗ tay, lắc mình, cô khuyến khích trẻ chọn đôi để cùng vận động. - Trẻ lắng nghe, trẻ có thể kể tiếp hoặc nhắc lại lời thoại nhân vật. - Mỗi trẻ có một rô từ. - Trẻ trả lời: đó là <i>cái bàn</i>. - Trẻ phát âm tập thể, nhóm, cá nhân. - Trẻ trả lời <i>cái ăm</i>.

* So sánh: cho trẻ so sánh từng cặp chữ:
a và *ă*; *ã* và *â*.

*** Hoạt động 3: Củng cố**

Trò chơi “*Những thiên tài nhỏ*”: Cô cho trẻ tự chia thành 3 nhóm có số lượng 6.

* Nhóm 1: trang trí chữ *a*, *ă*, *â* rộng.

* Nhóm 2: tìm, tô, gạch dưới chữ *a*, *ă*, *â* có trong bài thơ.

* Nhóm 3: nối chữ cái với từ có chữ cái đó (kèm theo hình).

Cô yêu cầu nhóm nào thực hiện nhanh, làm đúng thì thắng.

Kết thúc: Hát, vận động theo nhạc bài “*Vui đến trường*”.

*** Hoạt động góc:**

- Góc âm nhạc: hát với những chữ cái đã học, nhất là với chữ *a*, *ă*, *â*.

- Góc văn học: kể chuyện sáng tạo, sắm vai những nhân vật là đồ dùng trong gia đình có chứa chữ cái vừa học (cái tủ, cái chăn, tấm thảm).

- Góc tạo hình: cắt, xé, dán chữ *a*, *ă*, *â* có trong báo, tạp chí để làm thiệp và trang trí hình vẽ của bé, nặn chữ cái, làm truyện tranh.

- Góc gia đình: đóng vai gia đình bằng chữ cái.

- Góc siêu thị: bán những vật liệu, đồ dùng gia đình có chứa chữ cái đã học.

- Góc học tập: tìm phát âm, gắn chữ cái tương ứng theo hình và theo mẫu chữ cho trước.

- Góc vi tính: tìm, phát âm và đặt câu với những chữ cái đã học trên máy.

- Trẻ tìm thẻ từ “cái khăn”.

- Trẻ tìm chữ *ă*.

- Trẻ nêu ý kiến nhận xét và so sánh về nhóm chữ: *a*, *ă*, *â*.

- Trò chơi nghe âm tìm chữ cái phù hợp (trẻ chọn thẻ chữ cái).

- Trẻ tìm đồ chơi xung quanh lớp có tên gọi chứa âm chữ cái *a*, *ă*, *â*.

- Hát và vận động sáng tạo, dùng cơ thể để tạo chữ cái *a*, *ă*, *â*.

- Tìm và phát âm tên những bạn trong lớp có chứa chữ *a*, *ă*, *â*.

LÀM QUEN CHỮ A, Ẫ, Ậ

(Bài 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Hình thành cho trẻ biểu tượng về chữ cái a, ă, â.

2. Kỹ năng

- Hình thành kỹ năng nhìn các chữ cái a, ă, â.
- Nghe và phát âm đúng các âm vị a, ă, â.
- Phân biệt được chữ cái trong nhóm.
- Tìm được chữ cái trong từ.
- Đọc chữ cái từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.

3. Phát triển

- Phát triển trí nhớ, tưởng tượng, tư duy (phân tích đối chiếu so sánh với chuẩn).
- Phát triển thính giác, thị giác.
- Phát triển vốn từ mạch lạc.
- Phát triển khả năng hình thành mối liên hệ tương ứng 1:1 giữa âm thanh và ý nghĩa của từ.

4. Giáo dục

- Giáo dục trẻ tính cẩn thận, tính kỷ luật trong giờ học.
- Trẻ biết phối hợp với bạn trong khi chơi.

II. CHUẨN BỊ

- Thẻ chữ cái a, ă, â.
- Tranh ảnh về đồ vật trong gia đình (dán sẵn trên bảng có che đậy).
- Rổ đựng chữ cái.
- 3 ngôi nhà có dán chữ cái a, ă, â.
- Thơ.
- Trò chơi gió thổi, tìm nhà.

III. PHƯƠNG PHÁP

- Cung cấp kiến thức mới.
- Phương pháp trực quan hình ảnh.
- Biện pháp: thực hành, trò chơi, đàm thoại.

IV. TIẾN TRÌNH

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
- Trẻ hát và vận động theo cô bài “Ngọn nến lung linh”. Đàm thoại: Trong nhà con có ông bà, cha mẹ, anh chị và con. Mọi người thường sử dụng các vật dụng gì hàng ngày? À! Bây giờ các con ngồi 2 hàng ngang và chơi trò: “Con thỏ, ăn cỏ, uống nước, chui vào hang, nằm ngủ”. - Lúc này cô mở tranh cái ca và cho trẻ mở mắt. - Đây là cái gì? - <i>Cái ca</i>. (Cô vừa nói vừa chỉ tranh). Trong từ <i>cái ca</i> có chữ <i>a</i>. - Cô dán chữ <i>a</i> lên bảng, đọc lại 3 lần. Cô dán thẻ từ <i>cái ca</i> lên bảng và cho 1 trẻ lên xác định chữ <i>a</i>. Cất tranh cái ca, thay bằng từ <i>cái ca</i>. - Cả lớp cùng đọc xem đây là cái gì? (Cô mở tranh cái khăn cho trẻ xem). - Các con ơi, ngày hôm qua cô nằm ngủ thấy cái khăn mặt rất buồn, vì các bạn trai thường không dùng khăn mặt mà lau bằng áo. Như vậy có đúng không nhỉ? Đây cô có từ <i>khăn mặt</i> (cô dán thẻ khăn mặt). Trong từ “khăn mặt” có 1 chữ giống như chữ mình mới học. Bạn nào thấy hãy chỉ ra?	- Trẻ hát. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời.

- Có chữ <i>ă</i>, mời cả lớp đọc <i>ă</i> (3 lần, sau đó từng tổ đọc, cá nhân đọc). Chữ <i>ă</i> có thêm cái mũ đội ngược rất xinh phải không? Cô còn mời thêm một người bạn thân của <i>a</i>, <i>ă</i> đến lớp mình. Bạn này cũng có mũ nhưng đội úp xuống. Bạn đó là âm <i>â</i> trong từ (cô chỉ) <i>ấm nước</i>. - Nào các con cùng phát âm với cô nhé: <i>â - â - â</i>. - Các con thấy 3 chữ <i>a</i>, <i>ă</i>, <i>â</i> giống nhau ở chỗ nào? Khác nhau ở chỗ nào? - Đúng rồi, giống nhau ở chỗ có cùng nét cong bên trái, 1 nét thẳng bên phải có móc. Nhưng khác nhau là chữ <i>a</i> không có mũ, chữ <i>ă</i> mũ quay lên, chữ <i>â</i> mũ úp xuống. Giới thiệu thêm cho trẻ chữ cái in thường <i>a</i>, <i>ă</i>, <i>â</i>. - Trò chơi “Về đúng nhà”. Cho mỗi trẻ 1 thẻ bài chữ và đếm 1, 2, 3 trẻ phải về đúng nhà chữ của mình. Ai không có nhà sẽ bị loại. “Gió thổi”. Ai có chữ <i>a</i> về bên trái, gió thổi chữ <i>â</i> lên bên phải. “Nghe âm tìm tiếng”. Kết thúc - Nhận xét.	- Trẻ đọc. - Trẻ trả lời. - Trẻ chơi.
---	--

LÀM QUEN CHỮ B, C

(Bài 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Nhận biết chữ *b, c* qua các kiểu chữ in hoa, in thường.
- Biết tìm từ trong bảng chữ cái.
- Phát âm đúng chữ *b, c*, đọc được từ có chữ *b, c*.
- Biết chia sẻ, giúp đỡ, hợp tác cùng bạn hoạt động.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ từ: tên *Bam bi*, thẻ từ các nhân vật có trong truyện *Chuột chũi*,
- Các bảng chữ cái rời.
- Các bài đồng dao có chứa chữ *b, c*.

III. HƯỚNG DẪN

* **Hoạt động 1:** Nhận biết và phát âm đúng chữ *b, c* qua các kiểu chữ in hoa, in thường, các bài đồng dao, luyện phát âm.

- Cô kể 1 đoạn truyện “Hôm đó là một ngày hội trong khu rừng: Gia đình Hươu mới có một chú Hươu con ra đời đặt tên là *Bam bi*. Tin vui lan truyền rất nhanh khắp khu rừng. Đến chúc mừng Hươu mẹ có chú Chuột Chũi, Cóc, Cá vàng...”.

- Cô hỏi tên câu chuyện. Gắn tên câu chuyện là “*Bam bi*”
- Cho trẻ nhận xét 2 chữ *b* có trong từ “*Bam bi*”.
- Cho trẻ biết chữ *B* in hoa và chữ *b* in thường.
- Tổ chức cho trẻ đọc bài đồng dao “*Bè bạn*”, luyện phát âm *b*.

Bên bè bạn

Bé Bình bơi

Bạn Bảo bơi.

Bên bờ bé

Ba bốn bạn

Bình bảo bạn

Bắt ba ba

Bơi bờ bờ

Bè bắt bờ

Bò buồn bã

Bị bỏ bê.

- Cho trẻ nhận xét chữ *B* viết hoa ở đầu câu thơ, theo luật chính tả, đứng đầu câu, tên bạn.

- Cô gợi ý hỏi trẻ nhắc lại tên các nhân vật còn lại trong câu chuyện.

- Trẻ kể nhân vật nào cô gắn tên nhân vật đó lên bảng.

- Cho trẻ nhận xét về các từ tên nhân vật, có gì giống nhau.

- Giới thiệu cho trẻ làm quen chữ *c* in thường, in hoa. Cho trẻ tưởng tượng chữ *c* giống gì?

- Trẻ đọc đồng dao:

Cẩn con cò

Cò có cẳng

Chạy cuống cuống

Cáo chạy đến

Cẩn con cò

Cò cong chân

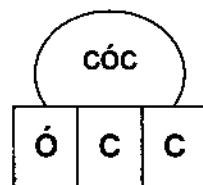
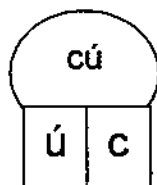
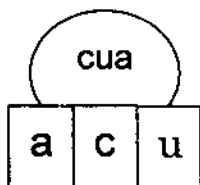
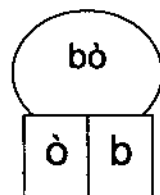
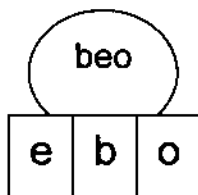
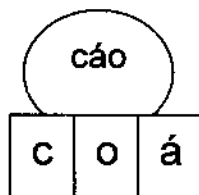
Bay đi mất.

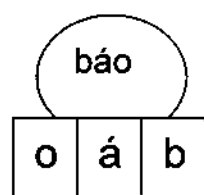
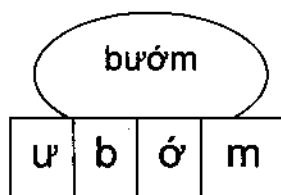
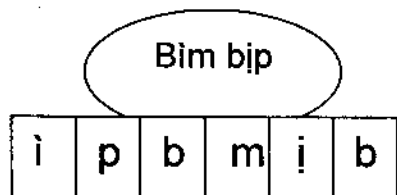
*** Hoạt động 2: Trò chơi “Mời bạn đến chơi”**

- Cô gợi ý: Có nhiều bạn thú cũng muốn đến chơi cùng Bam bi, các bạn thú là những con vật nào?

- Muốn các bạn thú đến phải đọc tên.

- Các tên con vật đọc chưa được, các bạn hãy sắp xếp lại thành 1 tên hoàn chỉnh:





*** Hoạt động 4: Trò chơi "Những con vật trốn tìm".**

- Cho trẻ xem 1 bảng tổng hợp chữ cái, có các tên gọi nhiều con vật khác nhau: bộ rầy, cóc, chuột chũi.

- Tổ chức cho trẻ dùng bút nối các chữ cái thành 1 tên con vật.

C	H	U	Ộ	T	C	H	Ữ	I	Bộ rầy Chim én Cóc Chuột Chuột chũi
A	Đ	K	R	Ộ	Q	Ê	P	H	
T	Ộ	U	H	U	Ư	O	I	L	
M	B	S	C	H	I	M	E	N	
V	D	E	Ó	C	C	B	C	H	
X	Z	K	C	B	Ọ	R	Ấ	Y	

Có thể đọc:

- Từ trên xuống
- Từ dưới lên
- Từ trái sang phải



LÀM QUEN CHỮ B, C

(Bài 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Nhận biết chữ *b, c* qua các kiểu chữ in thường và viết thường.
- Tìm từ có chữ cái giống nhau.
- Ghép chữ cái thành một từ có nghĩa.
- Nhận biết một số từ chỉ các con vật bắt đầu bằng từ “con”.
- Luyện phát âm qua các bài đồng dao.
- Phát triển trí nhớ, kỹ năng quan sát, so sánh...
- Phát triển thể chất qua vận động cơ thể, rèn luyện vận động tinh qua lăn màu tạo hình các con vật.
- Biết chia sẻ, giúp đỡ, hợp tác cùng các bạn hoạt động.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tranh có từ tên các con vật mà bé thích.
- Các thẻ từ tên các con vật trong bài đồng dao: *con cua, con chó, con công, con cá, con ba ba, con bướm...*
- Các bài đồng dao, bài sáng tác có chứa *b* và *c*.
- Một số chữ cái rời, thẻ ô chữ.
- Tranh phong, cọ lăn, màu nước...

III. HƯỚNG DẪN

1. Hoạt động 1: Trò chơi “Ai nhanh nhất”?

- Hát “Bạn tôi”, cho trẻ đi chọn con vật ưa thích.
- Trò chuyện về những con vật bé vừa chọn.
- Phổ biến Trò chơi “Ai nhanh nhất”, yêu cầu trẻ tìm tên con vật có chữ *b*, tên con vật có chữ *c* xếp theo hàng dọc, không có chữ *b, c*, xếp theo hàng ngang.
- Cho trẻ xem và đọc lại một số từ tên các con vật trẻ vừa gắn.
- + Tình huống 1: Cho trẻ nhận xét các con vật này đều giống nhau từ “con”, cho trẻ biết gọi: *con chó, con cua, con công, con báo...*

- + Tình huống 2: Cho trẻ thay từ “con” bằng từ khác như: cái; trẻ nhận xét.
- Kết luận: Dùng từ “con” để chỉ các con vật, dùng từ “cái” để chỉ đồ vật.
- Tổ chức cho trẻ đọc đồng dao hay những đoạn thơ tự sáng tác như:

*Bà Ba béo
Bán bánh bò
Bên bờ biển...*

*Con chó có cái chân
Con cua có cái càng
Con công có cái cánh
Con cá có cái đuôi.*

- Tổ chức chơi tìm tên con vật có trong bài đồng dao vừa đọc.

2. Hoạt động 2: Trò chơi “Xem ai tìm giỏi”.

- Chia trẻ thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm quan sát một bảng chữ cái có nhiều hình con vật, với các thẻ ô còn trống.
- Trẻ tìm ô tương ứng với số chữ cái trong tên con vật.
- Sắp xếp các chữ cái thành một từ có ý nghĩa chỉ tên con vật vào đúng ô.

3. Hoạt động 3: Trò chơi “Tay ai khéo”.

- Các bé hãy tham gia trò chơi cuối cùng “Tay ai khéo” cùng với những con vật mà mình yêu thích nhé!
- Tổ chức cho trẻ vào nhóm, mỗi nhóm dùng cọ lăn với nước sơn vào những đám mây hình chữ nhật, hình tam giác được khoét rỗng, từ những đám mây trẻ thường tưởng tượng thành con vật và dùng các hình để tạo thành: làm mỏ, làm thân cây, làm nhà...
- Tổ chức vận động hát bài “Chim cánh cụt”: thả lỏng hai tay, hai chân vừa đi vừa vận động...

LÀM QUEN CHỮ B, D, Đ

(Bài 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Hình thành cho trẻ nhóm chữ *b, d, đ* qua các kiểu chữ in thường, viết thường.
- Nhận biết và phát âm rõ *b, d, đ*.
- Phát triển khả năng quan sát, so sánh, suy đoán đối chiếu từ qua trò chơi.
- Giáo dục trẻ tích cực thỏa thuận, hợp tác, cùng tham gia hoạt động.

II. CHUẨN BỊ

- * Đồ dùng của GV:
 - Môi trường hoạt động có tranh và từ *b, d, đ* (viết các kiểu chữ in thường, viết thường).
 - Tranh vẽ: lão địa chủ, anh nông dân, bó tre và các từ tương ứng.
 - Những hình ảnh đồ vật bắt đầu bằng chữ *b, d, đ*.
- * Đồ dùng của trẻ:
 - Các nét thẳng, nét móc tròn, nét ngang, đủ số lượng cho trẻ.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Giới thiệu chữ <i>b, d, đ</i>. - Cô cho nghe băng lời nói lão địa chủ “Anh chịu khó cày ruộng cho ta”. - Đây là lời nói của ai, trong câu chuyện nào? - Cô gắn tranh hình ảnh lão địa chủ cho trẻ đoán từ tương ứng. - Từ này có mấy tiếng? Gồm những tiếng gì? - Trẻ tìm chữ đã biết (chữ còn lại <i>đ</i>). - Đây là chữ gì? - Kiểu chữ gì?	- Của lão địa chủ, trong câu chuyện “Cây tre trăm đốt”. - Trẻ đoán lão địa chủ. - Có 3 tiếng. - Trẻ lấy các chữ đã học ra và đọc to. - Chữ <i>đ</i>. - In thường.

- Cô đọc chữ <i>đ</i>. - Con thấy chữ <i>đ</i> giống cái gì? - Trong câu chuyện “Cây tre trăm đốt”, ngoài lão địa chủ còn có nhân vật nào? - Cô giới thiệu tranh vẽ anh nông dân. - Cho trẻ đọc “tờ anh nông dân”. - Có một chữ trong tờ anh nông dân gần giống chữ <i>đ</i>, con đoán xem là chữ gì ? - Cô giới thiệu chữ <i>d</i>, phát âm chữ <i>d</i>. - Cho trẻ so sánh chữ <i>d</i>, <i>đ</i> kiểu chữ in thường. - Để vác được cây tre trăm đốt về nhà, ông lão đã bảo anh nông dân làm gì? - Những đoạn tre được cột lại với nhau gọi là gì? - Cô giới thiệu tranh và tờ “bó tre”. - Trong tờ “bó tre”, có chữ nào con đã được làm quen. - Cô giới thiệu chữ <i>b</i>, phát âm chữ <i>b</i>. Các bé có tên bắt đầu bằng chữ <i>b</i> giới thiệu, ghi lên bảng để phát hiện <i>b</i> (viết thường) và <i>b</i> in hoa. - Cho trẻ so sánh 3 chữ <i>b</i>, <i>d</i>, <i>đ</i> (in thường). - Giới thiệu điều kì diệu của chữ <i>d</i> cho trẻ phát hiện. * Hoạt động 2: Trò chơi “Bốc thăm” * Yêu cầu: Trẻ nhớ mặt chữ cái và gọi đúng tên chữ cái. Trẻ tập ghép chữ cái theo mẫu. * Cách chơi: Lần 1: - Mỗi trẻ lên bốc thăm 1 tờ giấy đã được gấp 4 về chỗ gỡ ra xem chữ cái trong tờ giấy của mình. Lần lượt các trẻ đứng lên đọc to chữ cái mình có và giơ lên cho bạn xem. - Cho gấp lại chữ bỏ hộp giấy và cho bốc lại lần 2 chơi như trên.	- Phát âm theo cô. - Giống chìa khóa, cây đàn. - Cô con gái, anh nông dân. - Trẻ đọc “anh nông dân”. - Trẻ lên tìm và đoán. - Trẻ đọc chữ <i>d</i> theo cô. - Chặt tre ra thành từng đoạn. - Bó tre. - Trẻ lên lấy chữ <i>b</i>. - Trẻ phát âm theo cô. - Nếu quay lại thì <i>d</i> thành <i>b</i> và <i>b</i> thành <i>d</i>. - Trẻ tự lên bốc thăm và đọc chữ cái có được.
--	---

LÀM QUEN CHỮ B, D, Đ

(Bài 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Tiếp tục củng cố nhóm chữ *b, d, đ*. Hiểu mối quan hệ giữa lời nói và chữ viết. Nhận được các kiểu chữ in thường và chữ viết thường.
- Tìm chữ *b, d, đ* trong câu thoại.
- Biết tạo dáng con chữ.
- Trẻ biết cùng thảo luận, chia sẻ, hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

- Vở tập tô, bút chì, phấn.
- Bàn ghế, bảng.
- Một số lời thoại trong truyện "*Cây tre trăm đốt*". Cô giáo viết lên giấy lịch. "*Con ơi! Bây lâu nay... cổ cưới*", "*Anh nông dân thật thà... đi vào rừng chặt tre*".
- Các thẻ chữ *b, d, đ*.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Trò chơi: "Ai tinh mắt". + Yêu cầu: Trẻ tìm và gạch dưới chữ <i>b, d, đ</i> trong các đoạn đối thoại. + Cách chơi: Chia nhiều nhóm nhỏ (3 trẻ/nhóm). - Mỗi nhóm có 1 đoạn lời thoại, trẻ cùng tìm chữ <i>b, d, đ</i> gạch dưới và ghi số lượng tương ứng. - Cô quan sát, kiểm tra. Hoạt động 2: Trò chơi "Bé nào tìm nhanh". * Yêu cầu: Trẻ tìm nhanh được các âm <i>b, d, đ</i> trong tiếng cô đọc. Lần 1: * Cách chơi: Cô kể sáng tạo câu chuyện <i>Cây tre trăm đốt</i>, trẻ cùng cô làm động tác minh họa và tìm ra tiếng có chứa <i>b, d, đ</i> trong đó.	- Trẻ chơi theo yêu cầu. - Trẻ cùng tham gia chơi.

Vì dụ: Cô nói: “Anh nông dân đi vào rừng”.

- Trẻ đoán trong tiếng “đi” có chữ gì?
- Khi đi anh nông dân vác theo một con dao.
- Trẻ đoán trong tiếng “dao” có âm gì?
- Cây tre dài quá anh chặt ra từng khúc và bỏ lại.
- Trẻ đoán trong tiếng “bỏ” có âm gì?

Lần 2: Cô đặt các từ đi, đứng, bó, búa.

- Trẻ cùng bàn bạc và đặt thành câu có nghĩa.

Ví dụ: Anh nông dân đi chặt tre. Anh nông dân cầm búa đi vào rừng.

*** Hoat đông 3:** Trò chơi “Tao dáng”.

* **Yêu cầu:** Trẻ tạo dáng các con chữ b, d, đ bằng chính số lượng người trong nhóm và bằng các nguyên vật liệu: hạt hạt.

* *Cách chơi:*

Lần 1:

Chia trẻ thành 3 nhóm, vừa đi vừa đọc bài "*Dung dăng dung dề*", khi kết thúc trẻ tự xếp chữ theo nhóm.

Ví dụ: Chũ *b, d*

XX

XX

X X X X X X X

XX XX

X X X X X X X

Lưu ý: Cho trẻ rút thăm thẻ chữ và làm theo thẻ chữ vừa rút được.

- Cho trẻ trao đổi thẻ chữ, chơi tiếp.

Lần 2:

Trẻ tự chọn nguyên vật liệu hột hạt để tạo thành chữ *b, d* theo nhóm bạn trai và bạn gái.

Hoạt động 4: Trò chơi: “Bàn tay khéo léo”

* *Yêu cầu:* Trẽ tô chữ dưới tranh và tập viết chữ b, d, đ.

- Trẻ tô được chữ *b, d, đ*.
- Tô từ dưới tranh và đọc.
- Cô hướng dẫn cách viết chữ *d*.
- Cô hướng dẫn chữ *đ, b* tương tự giống chữ *d*.

- Có chữ đ.

- Có chữ d.

- Có âm b.

- Trẻ cùng bàn bạc và thực hiện.

- Trẻ chú ý và thực hiện.

LÀM QUEN CHỮ E, Ê

(Bài 1)

Nội dung kết hợp

- Văn học: *Truyện kể bé Na*.
- Tạo hình: tô, búng màu, cắt chữ trong họa báo.
- Môi trường xung quanh: phân nhóm dụng cụ theo nghề.

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- củng cố, rèn luyện kỹ năng nhận biết các chữ cái e, ê.
- Phát triển kỹ năng phân biệt hình dáng, mặt chữ e, ê, rèn luyện phát âm e, ê và các chữ đã học thông qua câu, từ.
- Phát triển khả năng tư duy nhận biết e, ê trong từ qua các trò chơi: rèn luyện thính giác, phát triển các giác quan.

II. CHUẨN BỊ

- Thẻ chữ e, ê, thẻ từ, truyện.
- Màu nước, giấy, bút chì.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Giới thiệu gợi ý vào bài. Chơi trò chơi nhỏ: <i>“Bé thích làm tài xế Chạy xe bon bon bon Bé thích làm phi công Bay lên trời cao tít Bé thích làm thủy thủ Được căng buồm ra khơi”.</i> “Được làm tài xế, phi công, thủy thủ thích thật, thế có bạn nào muốn làm nghề nào khác nữa không?” Bạn Na đang học bên lớp Lá 3 cũng thích làm một nghề, chúng ta xem bạn ấy thích làm nghề gì nhé?	- Trẻ đọc thơ và làm động tác. - Trẻ về chỗ.

- Bây giờ lắng nghe tài xế, tài xế mời lên toa có âm chữ nào thì mỗi hành khách có vé mang chữ đó lên toa. - Bây giờ tất cả đã lên tàu. Các hành khách chú ý: chúng ta sẽ đi qua nhiều địa danh, làng nghề. Tôi sẽ đọc to tên địa danh, làng nghề lên và hành khách nào có vé có chữ thuộc tên nơi ấy sẽ xuống tàu. - Cô đọc “nghề dệt, ô tô, tàu bè” vừa đi vừa hát “Đi xe lửa”. * Hoạt động 5: Trò chơi “Tìm đúng đi nào”. Rèn luyện kĩ năng nhận biết chữ cái trong từ - kết hợp tạo nhóm dụng cụ theo nghề. - Các hành khách đã đi qua rất nhiều làng nghề nên biết rất nhiều về các nghề rồi. Bây giờ mình sẽ thi xem đội nào hiểu biết nhiều nhất về nghề nghiệp. - Cho trẻ về 3 đội đứng thành 3 hàng dọc (cô mời trẻ lấy giúp cô vòng). - Cô giới thiệu các nghề trên bảng. (bác sĩ, thợ may, đầu bếp) - Mình sẽ thi bật qua các vòng, đến bàn và lấy thẻ có liên quan đến nghề có chứa chữ đúng theo yêu cầu. Trong thời gian là 1 đoạn nhạc, đội nào tìm được nhiều thẻ nhất sẽ thắng cuộc. - Cho trẻ lên đếm số thẻ tìm được. - Cô tuyên bố đội thắng cuộc. * Hoạt động 6 Về nhóm (củng cố, rèn luyện các chữ e, ê qua các kĩ năng) Nhóm 1: búng màu, tô màu chữ rỗng. Nhóm 2: xếp chữ theo mẫu. Nhóm 3: tìm chữ e, ê trong báo, thơ. Nhóm 4: chơi điện thoại. Nhóm 5: sao chép chữ.	- Trẻ lắng nghe. - Trẻ về đúng chữ. - Trẻ hát. - Trẻ thực hiện. - Trẻ thực hiện. - Trẻ lắng nghe. - Trẻ thực hiện. - Trẻ về nhóm.
---	---

LÀM QUEN CHỮ E, Ê

(Bài 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Giáo dục

* Kiến thức:

- Hình thành cho trẻ chữ e, ê.

* Kỹ năng:

- Trẻ nghe âm và phát âm được e, ê.

- Tìm được chữ e, ê trong từ.

- Biết xếp hạt tạo hình chữ e, ê.

2. Phát triển

- Phát triển thính giác cho trẻ, kỹ năng tập trung để có thể nghe và phát âm đúng, rèn trí nhớ có chủ định.

- Phát triển sự khéo léo của cơ ngón tay (xếp hạt).

- Luyện vận động của các bộ phận cơ quan phát âm lưỡi, môi.

3. Giáo dục

- Trẻ sẵn sàng tâm thế để đi học.

- Giáo dục trẻ các thói quen học tập: biết hoạt động theo đúng yêu cầu của cô, mạnh dạn phát biểu, nghe cô giảng...

II. PHƯƠNG PHÁP

- Chủ đạo: luyện tập, thực hành.

- Hỗ trợ: trực quan làm mẫu, trò chơi.

III. CHUẨN BỊ

- Hạt.

- Thẻ bài chữ e, ê.

- Cà rốt gắn chữ cái e, ê, a, u...

- Hình mẫu hai chú thỏ.

- Nhạc bài "Đi học về".

IV. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
Ôn định: Cô dùng câu đố: <i>“Mùa gì trời nắng chang chang Buổi trưa bé ngủ ve ran đầu hè?”</i> (Cô ghi âm đố và câu trả lời lên bảng). Giới thiệu bài: - Đúng rồi, đó là mùa hè. - Thế mùa hè thường có gì? - Mùa hè có phải đi học không? - Mình thường làm gì vào mùa hè? - Bạn nào kể cho cô và các bạn nghe kế hoạch của mình vào hè này? - Bây giờ các con nhìn lên bảng. Đây là từ “mùa hè”. - Cho cô biết con đã học chữ nào? - Thế còn chữ nào con chưa biết? - Chữ “e”, các con đọc đi, “e”! Chữ “e” này là chữ “e” thường, còn một chữ e nữa, gọi là chữ e hoa (E). Các con nhìn và đọc theo cô: “E” (Cô chỉ xen kẽ giữa “e” và “E”) Bạn nào lên gạch dưới cho cô những chữ “e” trong câu đố vừa rồi. Chữ “e” khi đội mũ lên sẽ thành một chữ khác, đó là chữ “ê”. Con nhìn xem, đây là cái mũ. Mình cùng đọc lại theo cô: “ê” Cũng giống như chữ “e”, chữ “ê” cũng có người anh em nữa đó là chữ “Ê” in hoa. Lớp đọc theo cô: “Ê” (Cô chú ý xen kẽ giữa “ê” và “Ê”) Trò chơi củng cố: Trò chơi 1 “Cho thỏ ăn” - Bây giờ cô sẽ cho lớp mình chơi 1 trò chơi. Trên đây có 2 chú thỏ để 2 bên bảng và các củ cà rốt gắn rất nhiều chữ cái.	- Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ làm. - Trẻ đọc. - Trẻ đọc. - Trẻ chơi.

- Các con sẽ cho thỏ gấn chữ “e” ăn cà rốt có gấn chữ “e” và chữ “ê” ăn cà rốt có gấn chữ “ê”. Nếu mình gấn sai thì các chú thỏ ăn sẽ không được đâu. - Nào đội đỏ và đội xanh về 2 hàng, thì theo kiểu chạy tiếp sức nhé! Trò chơi 2: Xếp hạt - Các con có thích xếp hình chữ e và ê không? - Các con mỗi người lấy một rổ hạt và ngồi theo hình vòng cung để xếp hình chữ e, ê với cô nào! Kết thúc: - Các con cùng hát “Đi học về” nhé!	- Trẻ chơi. - Trẻ hát.
--	--------------------------------------

LÀM QUEN CHỮ G, Y

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Trẻ nhận biết và phát âm được các âm g, y. Đọc được các từ và chữ cái g, y.
- Trẻ biết tô các chữ g, y theo đúng quy trình.
- Trẻ hứng thú tham gia vào các trò chơi rèn luyện nhận biết con chữ và phát âm.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh và thẻ từ: chim gõ kiến, cây sồi.
- Thẻ chữ g, y.
- Một số đoạn thơ, ca dao, tục ngữ nói về hoa quả có chứa chữ g, y.
- *Vở tập tô 2*, bút chì.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
1. Cô kể 1 đoạn trong truyện “Cây sồi và chim gõ kiến”. Hỏi trẻ: - Cô vừa kể các con nghe 1 đoạn trong truyện gì? - Truyện “ <i>Cây sồi và con chim gõ kiến</i> ” có những con vật gì? - Cô gắn tranh và từ “cây sồi” ở dưới. Hỏi trẻ: + Cô đặt từ gì? + Từ này có mấy tiếng? Tại sao con biết? - Cô làm tương tự như thế với tranh và từ “gõ kiến”. - Cô cho trẻ lấy những chữ các con đã biết. 2. Nhận biết và luyện phát âm * Tình huống 1 (Nếu trẻ chưa biết chữ g, y) - Đây là chữ g (cô gắn thẻ chữ g).	- Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ lên lấy những chữ đã biết. - Trẻ phát âm.

- Các con nhận xét chữ <i>g</i> giống cái gì? - Đây là chữ <i>y</i> (cô gắn thẻ chữ <i>y</i>). - Các con quan sát chữ <i>y</i> giống cái gì? - Các con xem chữ <i>g</i> và chữ <i>y</i> có gì khác nhau và giống nhau?	- Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời.
* Tình huống 2 (Nếu tất cả trẻ đã biết chữ <i>g, y</i>) - Cô đặt thẻ <i>g</i> (in hoa <i>G</i>) và hỏi trẻ; + Các con biết đây là chữ gì? + Đây là chữ <i>G</i> in hoa. - Các con thử đoán xem chữ <i>y</i> in hoa có giống chữ <i>y</i> in thường không? Tại sao con biết? - Đây là chữ <i>y</i> in hoa (<i>Y</i>), các con nhìn xem <i>y</i> in thường và <i>Y</i> in hoa có gì khác nhau và giống nhau?	- Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời.
3. Trò chơi	- Trẻ trả lời.
* Trò chơi 1 “Tìm chữ trong từ”. - Chung quanh lớp có gắn các tranh và từ tương ứng. Dưới mỗi từ có thêm 1 từ như vậy nhưng có những chữ thiếu. Nhiệm vụ của từng trẻ là phải tìm ra các chữ thiếu và gắn vào cho đủ.	- Trẻ nghe giải thích cách chơi và thực hiện dán.
* Trò chơi 2 “Tìm chữ trong bài”. Cô chia lớp thành những nhóm (4 trẻ/nhóm). Phát cho mỗi nhóm 1 bài thơ hoặc câu đố. Nhiệm vụ của trẻ là lấy bút gạch dưới các từ có chứa chữ <i>g</i> và <i>y</i>.	- Trẻ nghe giải thích cách chơi và thực hiện dán. - Trẻ đọc:
	<i>“Gánh gánh gồng gồng Gánh sông gánh núi Gánh củi, gánh... Chạy về mau mau Gánh gánh gồng gồng”</i>

* Trò chơi 3 “Tìm đôi giống nhau, đoán hình nền”. - Cô chia lớp thành 2 đội có số trẻ bằng nhau, từng trẻ ở mỗi đội sẽ lật lên các ô số trên bảng (theo từng đôi một, nếu cùng một con chữ thì được lấy xuống, nếu khác con chữ phải úp lại). Khi lật hết các hình thì từng đội phải đoán được hình nền là tranh của câu chuyện nào. - Nhóm nào lật nhanh hết các ô số trước và đoán trúng hình nền là nhóm đó thắng cuộc. 4. Tập viết chữ - Cô hướng dẫn chữ <i>g</i>, cho trẻ viết chữ <i>g</i>. - Cô cho trẻ đọc các từ qua hình ảnh trong tập hoặc cô đọc trẻ: hãy nhìn ảnh đoán từ gì và đọc. - Tương tự với chữ <i>y</i>, cô cũng làm như vậy.	- Tập viết chữ <i>g</i>. - Trẻ tập đọc.
--	--

LÀM QUEN CHỮ H, K

(Bài 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Giúp trẻ nhận biết và phát âm đúng chữ *h, k*.
- Rèn luyện cách nghe để trẻ nhận ra âm *h, k* trong các tiếng.
- Giúp trẻ tham gia các hoạt động một cách tự tin, sôi nổi và có ý thức tham gia các hoạt động tập thể.
- 80% trẻ đạt yêu cầu.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng của GV

- Bảng, máy hát, băng nhạc, bút dạ.
- Ba lọ hoa: hoa hồng, hoa huệ, hoa loa kèn.
- 9 băng giấy viết tên: hoa hồng, hoa huệ, hoa loa kèn, dán xung quanh lớp.
- 6 chữ cái bằng xốp *h, k* với các kiểu chữ viết thường, in thường và in hoa.

2. Đồ dùng của trẻ

- Giấy, bút màu, hồ dán, giấy màu, thẻ lô tô, chữ *h, k*.
- Mỗi ảnh về hoa có ghi tên (chữ nhỏ và tên bằng chữ to), chữ *h, k* để trống.

III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

- Ổn định: đội hình tự do.
- Cung cấp kiến thức: đội hình chữ U.
- Luyện tập: chia thành 2 nhóm.

IV. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
1. Giới thiệu 3 loại hoa - Cô đọc về hoa hồng đỏ (bằng câu đố) giới thiệu hoa hồng đỏ. - Về hoa huệ (cô đọc trẻ nhắm mắt, ngửi) và giới thiệu hoa huệ. - Về hoa loa kèn (bằng câu đố), giới thiệu hoa loa kèn.	- Nghe và đoán câu đố của cô.

2. Làm quen chữ *h, k*

- Cho trẻ làm quen tên 3 loại hoa
- Cho trẻ gọi tên: hoa hồng, hoa huệ, hoa loa kèn.

- Các con có biết tên 3 loại hoa trên được viết như thế nào không? Cô sẽ viết lần lượt tên các loại hoa. Sau khi viết xong, cô đặt thẻ từ chiếc lọ hoa tương ứng.

- Đây là tên của hai loài hoa còn lại đã được viết sẵn, cô đọc tên hoa cài đặt trước hai lọ hoa tương ứng. Các lọ hoa, thẻ từ ở các góc trong lớp.

- Cô cho trẻ đọc tên của từng lọ hoa: hoa hồng, hoa huệ, hoa loa kèn.

- Thi sao chép chữ:

Cô hướng dẫn cách chơi: Mỗi trẻ tự chọn một loại hoa mình thích và sao chép tên vào băng giấy của mình.

- Cho trẻ kiểm tra lẫn nhau.

- Cô cho trẻ cất giấy và lấy thẻ lô tô *h, k*. Nhận biết chữ *h* và phát âm:

- Cho trẻ xem các băng chữ: hoa hồng, hoa huệ, hoa loa kèn và hỏi trẻ chữ cái nào được cô viết nhiều nhất? (chữ *h*)

- Tất cả có mấy chữ *h*? (5 chữ)

- Cô giới thiệu các kiểu chữ *h*:

Đây là chữ *h*: in thường.

Đây là chữ *h*: viết thường.

Đây là chữ *H*: in hoa.

- Cô phát âm, rồi cho trẻ phát âm (cô chỉ vào từng chữ). Chú ý sửa sai cho trẻ.

- Cô cho trẻ lấy thẻ lô tô chữ *h*.

Nhận biết và phát âm chữ *k*:

- Cô giới thiệu băng từ: *Hoa loa kèn* và hỏi có mấy chữ cái? (9 chữ)

- Cô cho cả lớp đếm lại.

- Trẻ trả lời.

- Trẻ lắng nghe, tự nêu tên hoa và xem cô viết.

- Trẻ lắng nghe.

- Trẻ đọc theo cô.

- Trẻ được chia thành 2 đội và lắng nghe cô hướng dẫn.

- Trẻ kiểm tra bạn.

- Trẻ thực hiện.

- Trẻ quan sát, đếm và trả lời.

- Trẻ lắng nghe.

- Trẻ lắng nghe và phát âm.

- Trẻ thực hiện.

- Cô cho trẻ chọn chữ cái đúng ở vị trí thứ 7 (chữ <i>k</i>). - Cô giới thiệu các kiểu chữ <i>k</i>: Đây là chữ <i>k</i>: in thường Đây là chữ <i>k</i>: viết thường Đây là chữ <i>K</i>: in hoa - Cô phát âm, rồi cho trẻ cùng phát âm (cô chỉ vào từng chữ). Chú ý sửa sai cho trẻ. - Cô cho trẻ lấy thẻ lô tô chữ <i>k</i>. - Nghe cô phát âm chữ cái nào trẻ giơ thẻ chữ đó lên và đọc to. 3. Bài tập, trò chơi củng cố, luyện nhận biết và phát âm chữ <i>h, k</i>: Cho trẻ tìm tên quả, hoa, củ có chứa âm <i>h, k</i>. Cô và trẻ cùng đọc các bài thơ luyện phát âm chữ <i>h, k</i> (xem phần chuẩn bị). Thi "Bé đếm nhanh": - Cô chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm có 1 tờ giấy chép trên đó có ghi các từ (do cô tự sáng tác). Trong khoảng 2 phút, các nhóm thi đua khoanh tròn được nhiều chữ <i>h</i> (hoặc <i>k</i>) nhất. - Cô nhận xét và tuyên dương đội nhất. Thi "Bé điền đúng": - Cô chia lớp thành 2 đội, mỗi trẻ lấy một bức tranh, trên đó có ghi tên hoa, củ, quả. Phía dưới cũng ghi tên nhưng còn 1 chữ để trống. Nhiệm vụ của trẻ là viết hay dán chữ còn thiếu vào ô trống. - Cô cho trẻ thực hiện, cùng nhận xét, tuyên dương. Kết thúc: Cả lớp cùng hát bài "Vườn cây của ba".	- Trẻ quan sát, đếm và trả lời. - Trẻ lắng nghe. - Trẻ lắng nghe và phát âm. - Trẻ thực hiện. - Trẻ lắng nghe và tham gia chơi. - Trẻ thực hiện. - Trẻ hát.
--	--

LÀM QUEN CHỮ H, K

(Bài 2)

Nội dung kết hợp:

- Môi trường xung quanh: Côn trùng.
- Âm nhạc: *Chị ong nâu, Đàn kiến nó đi.*
- Văn học: *Truyện Con kiến chăm làm.*

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Củng cố chữ cái đã học.
- Trẻ nhận biết mặt chữ *h, k*.
- Phát triển giác quan: thính giác, thị giác, phát triển tư duy phân biệt hình dáng, mặt chữ *h, k* thông qua trò chơi.
- Rèn luyện phát âm chữ *h, k* và các chữ cái đã học thông qua câu, từ.

II. CHUẨN BỊ

- Thẻ chữ *h, k* in hoa, in thường, viết thường.
- Thẻ từ: sâu, ong, bướm, giun, kiến, cánh cam.
- Thẻ chữ: *h, k, m, o*.
- Tranh côn trùng: ong, bướm, kiến, chuồn chuồn.

III. HƯỚNG DẪN

Truyện “Con kiến chăm làm”

Có chú kiến con rất chăm chỉ, cần cù. Hằng ngày, kiến con đi kiếm mồi ở khắp nơi và tha mồi về tổ. Còn chuồn chuồn thì ham chơi, lười biếng và không chịu làm. Khi mùa đông đến, các con vật đều vào hang tránh rét. Chuồn chuồn vừa lạnh vừa đói vì không có gì để ăn. Thấy vậy, kiến con đem thức ăn của mình đến cho chuồn chuồn. Chuồn chuồn cảm ơn kiến con, nó thấy xấu hổ và tự hứa sẽ không lười biếng nữa.

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Ổn định và giới thiệu bài - Hát “Chị Ong nâu”. - Chị ong nâu trong bài hát vừa rồi thật đáng khen phải không các con? Chị chăm chỉ lao động và biết vâng lời bố mẹ. - Cô còn biết một con vật còn nhỏ bé hơn cả chị Ong cũng đáng khen lắm. Các con có muốn biết đó là con vật gì và vì sao đáng khen không? - Thế thì cô sẽ kể cho các bạn nghe một câu chuyện để các bạn đoán xem con vật dễ thương đó là con vật gì nhé. - Cô kể chuyện, trẻ phán đoán câu chuyện. - Con vật đáng khen trong chuyện là ai? - Đúng rồi, các con hãy giúp cô đặt tên cho câu chuyện này đi! - Cô cũng có cái tên đặt cho câu chuyện này là “Kiến con chăm chỉ” (Cô đặt dòng chữ lên bảng). - Có bao nhiêu chữ trong câu? Gồm những chữ nào? - Mình đã học những chữ cái nào? - Cho trẻ đọc chữ cái đã học. - Cho trẻ chớp mắt, nhắm mắt, mở mắt. * Hoạt động 2: Giới thiệu chữ h, k - Giới thiệu chữ h (in thường, in hoa, viết thường). - Các con thường thấy chữ in hoa ở đâu? → Cho cá nhân, tổ, nhóm đọc chữ h. - Giới thiệu chữ k như chữ h. - So sánh chữ k, h. - Phát triển trí tưởng tượng về hình dáng chữ h, k bằng cơ thể. * Hoạt động 3: Trò chơi “Tìm bạn” - Các bạn ơi, kiến là con vật thật dễ	- Hát và vận động theo nhạc. - Trẻ về chỗ. - Trẻ trả lời. - Trẻ nghe và phán đoán. - Trẻ nêu ý kiến. - Trẻ nêu ý kiến. - Trẻ trả lời. - Trẻ đọc chữ. - Trẻ thực hiện. - Trẻ chú ý quan sát. - Trẻ trả lời. - Trẻ đọc. - Trẻ thực hiện.

thương, đáng khen phải không? Thế kiến thuộc nhóm gì?	- Trẻ trả lời.
- Cô còn biết rất nhiều côn trùng nhỏ bé rất dễ thương. Các bạn có muốn cùng cô đi tìm các con vật ấy không?	- Trẻ trả lời.
Nhưng trước khi đi, các bạn phải vượt qua thử thách nhỏ này: Hãy lắng nghe trong chuỗi âm cô đọc sau đây có bao nhiêu âm <i>h</i> và bao nhiêu âm <i>k</i> ?	- Trẻ trả lời.
+ Lần 1: <i>h, k, k, h, k</i>	
+ Lần 2: <i>h, h, k, l, n</i>	
- Cô đưa chữ cho trẻ xem để kiểm tra lại.	- Trẻ kiểm tra lại.
- Bây giờ chúng ta đi vào rừng thôi!	- Trẻ thực hiện.
- Hát "Đi vào rừng xanh".	
- Đến nơi rồi các bạn ơi, nhưng muốn vào cửa phải có vé. Mỗi bạn hãy lại đằng kia tự lấy cho mình một tấm vé, các bạn đi thật nhẹ nhàng thôi!	- Trẻ lấy thẻ chữ.
- Trên vé có gì?	- Trẻ trả lời.
- Khi xem các côn trùng, nếu thấy tên con vật có chứa chữ cái giống với chữ cái trên thẻ mà bạn có thì đặt thẻ cạnh con vật đó nhé!	- Trẻ lắng nghe.
- Các bạn chuẩn bị xong chưa?	- Dạ rồi.
- Lắng nghe, lắng nghe!	- Nghe gì, nghe gì?
Nghe xem cô đọc câu này:	
"Con gì bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng bay vừa thì râm?"	- Trẻ đoán.
+ Trong từ "chuồn chuồn" có chữ cái gì đã học?	- Trẻ trả lời.
+ Mình xem có đúng không nhé!	
→ Cô giở hình con vật lên.	- Trẻ đặt thẻ chữ.
- Cô dẫn dắt bằng câu nói, câu đố để trẻ đoán ra bướm, ong, kiến và đặt thẻ chữ bên cạnh.	- Trẻ đoán rồi đặt thẻ chữ.
- Các con xem con gì có đôi cánh sắc sỡ	- Trẻ đoán rồi đặt thẻ chữ.

đang bay lượn trên những bông hoa ở kia kia. Con biết con gì không? - Cô vừa phát hiện ra một con côn trùng nữa. Cô đố các con “Con gì hút mật từng đàn?”. - Minh tìm xem còn con vật nào nữa không nhé? - Các con nhìn dưới đất xem, con gì mà đi thành hàng tha mồi về tổ vậy các bạn? - Cô đến kiểm tra và đổi thẻ cho trẻ chơi lại lần 2. - Cô thấy lớp mình thật giỏi, đoán được câu đố của cô. Bây giờ chúng ta cùng hát bài “Đàn kiến nó đi” và khi dứt bài hát thì các con xếp thành 3 hàng dọc để chúng ta cùng chơi trò chơi nhé! - Trên đây cô có các chữ cái. Từng con trong mỗi đội sẽ chạy lên đây, chọn tên con côn trùng có chứa chữ cái như chữ trên bảng để gắn lên, sau đó chạy về cho bạn tiếp theo lên. * Theo động 4: Trò chơi “Ai nhanh hơn” - Theo thời gian một đoạn nhạc, đội nào tìm được đúng và nhiều tranh côn trùng hơn thì thắng cuộc. - Trò chơi bắt đầu. - Cho trẻ lên đếm số thẻ tìm được. - Cô tuyên bố đội thắng cuộc. * Hoạt động 5: Về nhóm (củng cố, rèn luyện kỹ năng nhận biết phát âm h, k qua trò chơi) Nhóm 1: Tìm chữ thiếu. Nhóm 2: Sao chép câu. Nhóm 3: Tìm chữ theo sơ đồ. Nhóm 4: Tìm chữ trong bài thơ. Nhóm 5: Tô màu chữ cái. Nhóm 6: Chơi tiếp Trò chơi “Ai nhanh hơn”. Nhận xét và tuyên dương.	- Trẻ đoán rồi đặt thẻ chữ. - Trẻ thực hiện. - Trẻ thực hiện. - Trẻ thực hiện. - Trẻ thực hiện. - Trẻ về các nhóm.
--	--

LÀM QUEN CHỮ H, K

(Bài 3)

I. YÊU CẦU

1. Giáo dục

- Kiến thức: trẻ nhận biết, phát âm rõ chữ *h, k*.
- Phân biệt được chữ *h, k* qua trò chơi.
- Kỹ năng: trẻ chơi được các trò chơi theo yêu cầu.

2. Phát triển

- Phát triển: khả năng, vận động, óc quan sát, trí tưởng tượng và trí nhớ cho trẻ.

3. Giáo dục

Giáo dục trẻ có nề nếp, tính trung thực khi chơi, biết chia sẻ, phân công nhau trong quá trình chơi.

II. CHUẨN BỊ

- Rối, thẻ chữ: thỏ con, bác khỉ.
- Thẻ chữ rời để trẻ chơi ghép chữ.
- Băng cát-sét có giọng nói của thỏ con, bác khỉ.
- Một số hình ảnh và từ tương ứng có mang chữ *h, k*.
- Giấy lịch cũ, báo.
- Hoa mang tên trẻ.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: - Các con cùng nghe xem giọng nói của ai đây? Cô mở băng có câu thoại của thỏ con. Sau đó, cô cho xuất hiện rối thỏ con và từ “thỏ con”. - Các con đã nghe câu chuyện gì nói về thỏ con? - Trong truyện còn có những ai nữa không? (Cho nghe câu thoại của bác khỉ) - Cô cho xuất hiện rối bác khỉ và từ “bác khỉ”.	- Trẻ múa hát. - Trẻ trả lời.

- Cả lớp đọc cùng cô: thỏ con, bác Khỉ. - Từ “thỏ con” có mấy tiếng, gồm những tiếng nào? - Từ “bác khỉ” có mấy tiếng, gồm những tiếng nào? * Hoạt động 2: Trò chơi “Ghép chữ giống mẫu”. Cô hỏi: - Từ “thỏ con” có mấy chữ? - Từ “bác khỉ” có mấy chữ? (Cô gọi trẻ trả lời bằng hình thức chọn hoa có tên của trẻ) Cách chơi: Chia lớp thành hai đội: - Đội 1: ghép từ “thỏ con”. - Đội 2: ghép từ “bác khỉ”. Mỗi trẻ chạy lên chỉ lấy được một chữ hay một dấu đặt lên bảng theo chữ mẫu. - Giới thiệu chữ mới. Cô cho trẻ lên lấy những thẻ chữ đã học xuống, những chữ còn lại trên bảng trẻ chưa biết, cô giới thiệu. - Chữ <i>h</i>. - Chữ <i>k</i>. - Hôm nay lớp học 2 chữ <i>h</i> và <i>k</i>. - Cô đọc chữ <i>h</i> (gắn chữ <i>h</i>). Cả lớp, tổ, nhóm, cá nhân đọc. - Con có nhận xét gì về chữ <i>h, k</i>? Cô đọc chữ <i>k</i> (gắn chữ <i>k</i>). Cả lớp, tổ, nhóm, cá nhân đọc. - Chữ <i>k</i> giống hình gì? - Các con nhìn xem chữ <i>h, k</i> có gì giống nhau và khác nhau? - Cô đưa hai chữ <i>h, k</i>, chỉ vào chữ nào cho trẻ đọc chữ đó. Hoạt động 3: Trò chơi “Ghép tranh mùa xuân” Mẹ bạn thỏ đã hết bệnh rồi, nhờ thỏ con hiếu thảo đã đi tìm mùa xuân. Chúng ta cùng giúp bạn thỏ trang trí ngôi nhà để đón mùa xuân.	- Trẻ đọc. - Trẻ trả lời. - Trẻ ghép từ. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời.
---	---

Thực hiện:**Cách chơi**

- Cô chia lớp thành 3 đội, mỗi đội có một số bức tranh cảnh vật (hoa, cây xanh, muông thú) mang chữ *h*, *k* và một số chữ khác.

- Ba đội cùng thảo luận, sau đó sẽ cùng nhau lên chọn hình ảnh có mang chữ *h* - *k*.

- Trò chơi bắt đầu khi tiếng nhạc nổi lên và kết thúc khi tiếng nhạc dừng lại.

- Nào để động viên 3 tổ, chúng ta cùng đứng lên vui múa hát nhé. - Trẻ chơi.

- Cô mở nhạc vui cho trẻ hoạt động toàn thân. Cô tập mẫu trước trẻ làm theo, sau đó cô cho trẻ khác làm mẫu, cứ thế cô cho tập để thư giãn sau các hoạt động.

Hoạt động 4: Trò chơi "Chọn chữ, từ, hình ảnh theo yêu cầu"

Cô có bức tranh chia làm 3 cột: - chữ...- từ...- hình ảnh...

- Cô chia lớp ra thành hai đội, các con sẽ chọn những từ, chữ, hình ảnh có mang chữ *h* hoặc *k*. - Trẻ chơi.

- Nhóm nào có giấy mang chữ *h* thì sẽ tìm những từ có chứa chữ *h* và tìm những hình ảnh, thức ăn, đồ dùng mà tên của nó có mang chữ *h*.

- Trước khi chơi, các con phải phân loại chữ - từ - hình ảnh để riêng vào trong các hộp có kí hiệu sẵn.

- Cô cho trẻ chơi.

Kết thúc**Hoạt động góc:****1. Góc chữ viết:**

- Trò chơi: tạo chữ *h*, *k* bằng các nguyên vật liệu.

Cách chơi: Cô cho trẻ làm chữ *h*, *k* bằng các nguyên vật liệu (đất nặn, kim sa, len, dây cuốn, hạt hạt) gắn dính trên giấy lịch cũ cô đã cắt sẵn.

- Trò chơi: gạch dưới chữ *h*, *k* trong bài thơ.

Cách chơi: cô chuẩn bị một số bài thơ có chữ *h, k*, trẻ sẽ dùng bút lông gạch dưới các chữ *h, k*.

Lưu ý: Trẻ phải gạch hết tất cả các từ *h, k* có trong bài thơ (gạch từ trên xuống dưới, từ trái qua phải).

- Trò chơi: tìm chữ *h, k* trong họa báo.

Cách chơi: cô chuẩn bị họa báo có từ mang chữ *h, k*, trẻ tìm và cắt dán chữ *h, k* bằng nhiều kiểu chữ khác nhau.

2. Góc tạo hình.

- Trò chơi: làm thiệp chúc Tết, sao chép những câu chúc có mang chữ *h, k*.

Cách chơi: Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu để làm các loại thiệp, phải sao chép đúng từ có chữ *h, k* (chú ý sao chép chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới).

3. Góc kể chuyện

Cách chơi: trẻ kể lại chuyện “Sự tích mùa xuân” qua tranh phong. Gắn hoa mùa xuân bằng những con chữ *h, k* (lưu ý chỉ gắn những bông hoa mang chữ, *k*)

4. Góc đọc sách

Cách chơi: Trẻ đọc sách và lật lên những hình ảnh có mang chữ *h, k*.

Trẻ đọc những chữ *h, k* dưới các hình ảnh (lưu ý: cách lật trang sách, hướng đưa mắt khi đọc, tư thế ngồi).

LÀM QUEN CHỮ L, M, N

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Bước đầu trẻ biết nói lời chúc gửi đến các bà, các cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11, đồng thời biết sao chép lại lời chúc theo ý thích của trẻ vào thiệp.

- Biết nhận ra nhóm chữ đã học trong câu.

2. Kỹ năng

- Trẻ biết nói được câu trọn vẹn nhưng đơn giản.

- Rèn luyện kỹ năng sao chép chữ.

3. Phát triển

- Khả năng chú ý để thực hiện yêu cầu của cô.

- Phát triển khả năng nói câu đúng cấu trúc ngữ pháp, diễn đạt mạch lạc.

4. Giáo dục

- Biết quan tâm, chia sẻ tình cảm của mình với người khác.

II. CHUẨN BỊ

- Trước khi cho trẻ hoạt động, cô tổ chức một số hoạt động thuộc các lĩnh vực khác cho trẻ làm quen như:

- Trẻ được làm quen *l, m, n* ở môi trường lớp, ngoài xã hội.

* Môi trường xung quanh: trẻ được trò chuyện, xem phim ảnh về một số hoạt động trong ngày Nhà giáo Việt Nam.

* Tạo hình: vẽ, cắt, dán - làm tranh.

Hoạt động chung:

- Bảng, phấn của GV.

- Một số thiệp tự tạo (3 - 4 cái).

- Giấy lịch lớn viết sẵn chữ.

- Chữ đ, l, m, n.
- Bàn ghế đủ cho số lượng trẻ.
- Thiệp bút chì của mỗi trẻ.

Hoạt động góc:

- Tập: “Bé vui học chữ”, “Bé tập tô” ở góc.
- Giấy, kéo, hồ, bút các loại.
- Tạp chí, lô tô.

III. PHƯƠNG PHÁP - BIỆN PHÁP

- Trực quan - đàm thoại - thực hành.

IV. HƯỚNG DẪN

- Trò chuyện đầu giờ: Vào giờ chơi của ngày hôm qua, cô thấy các con làm những tấm thiệp để làm gì?
- Cho trẻ trả lời tự do.

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động chung * Hoạt động 1: Gợi ý trẻ đặt lời chúc có ý nghĩa, câu đúng ngữ pháp. - Cho trẻ quan sát một số thiệp trẻ tự làm. * Gợi tình huống: với thiệp đã tạo được, con dự định sẽ làm gì? - Con đã chuẩn bị những lời chúc gì trong ngày lễ để chúc cho các thầy cô? * Hoạt động 2: Sao chép các lời chúc. Chơi ngón tay nhúc nhích → trẻ ra bàn. Cô đưa thiệp, yêu cầu trẻ đưa ra những lời chúc hay. - Cô viết những lời chúc lên trên bảng, yêu cầu trẻ chú ý xem và sao chép lại vào thiệp câu chúc mà trẻ thích. → Nhắc nhở trẻ chú ý chiều cao con chữ trong 2 đường kẻ.	- Trẻ quan sát. - Trẻ suy nghĩ, trả lời. - Cùng chơi, đi ra bàn. - Chúc mừng cô ngày 20 - 11! Kính chúc cô vui khỏe! - Trẻ chú ý cách cô viết.

* Hoạt động 3: Tìm nhóm chữ đã học. - Cho trẻ thực hiện theo nhóm bài tập về chữ cái đã học và gạch chân phía dưới. - Yêu cầu trẻ cho cô biết mình đã tìm được mấy chữ <i>l, m, n</i>. - Trẻ về nhóm theo chữ <i>đ, l, m, n</i> đã dán trên tường. - Cô quan sát và làm việc với từng nhóm, gợi ý trẻ tìm theo nhóm chữ mới nếu trẻ thực hiện. Kết thúc: Bài hát “Chim mẹ, chim con”.	- Trẻ trả lời. - Trẻ thảo luận và thực hiện.
---	---

LÀM QUEN CHỮ M, L

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Hoạt động chính

- Hình thành cho trẻ nhóm chữ *m, l* qua các kiểu chữ in thường, viết thường.
- Nhận biết và phát âm rõ các chữ *m, l*.
- Phát triển khả năng quan sát, so sánh, suy đoán, đối chiếu qua các trò chơi.
- Giáo dục trẻ tích cực thỏa thuận, hợp tác cùng tham gia hoạt động.

2. Hoạt động kết hợp

- Ôn lại câu chuyện “Hạt giống nhỏ”.
- Làm quen với toán.

II. CHUẨN BỊ

- 2 bài thơ, 1 quả lê thật.
- Thẻ từ + hình: mặt trời, quả lê, thẻ chữ *m, l*.
- Các thẻ hình quả và từ tương ứng, vòng đeo tay có các kiểu chữ *m, l*.
- Giấy, bút.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
1. Hoạt động 1: - Cho trẻ hát bài “Vườn cây của ba”. - Cho trẻ sờ quả lê, đoán xem quả gì? - Giới thiệu tranh quả lê, từ “quả lê”. - Cho trẻ kể câu chuyện “Hạt giống nhỏ”. - Giới thiệu từ “mặt trời”. - Cho trẻ đọc từ “mặt trời” và “quả lê”. - Giới thiệu chữ <i>m</i> trong từ “mặt trời” và chữ <i>l</i> trong từ “quả lê”. - Cho trẻ đọc. - Giới thiệu chữ <i>m, l</i> theo kiểu viết thường. - Giới thiệu bài thơ “Hoa sen” với hai	- Trẻ hát và vận động cùng cô. - Trẻ suy đoán. - Trẻ nói lại lời thoại.

kiểu chữ khác nhau (chữ in thường và chữ viết thường). - Chia 4 đội cho trẻ tìm chữ <i>m, l</i> . 2. Hoạt động 2: Trò chơi “Bé làm ca sĩ”. - Cho trẻ xướng âm <i>m, l</i> . - Chia 2 đội lần lượt hát theo âm <i>m, l</i> với các bài hát của chủ điểm thực vật. 3. Hoạt động 3: Trò chơi “Ai nhanh hơn” - Mỗi trẻ đeo vòng chữ vào tay và về đội mình theo chữ. - Thi đua lên bảng tìm quả tên gọi có chữ <i>m, l</i> . Đội nào có nhiều quả, đội đó thắng. Trò chơi “Tai ai tinh” - Trẻ xếp thành 2 hàng dọc lắng nghe cô đọc, tìm từ nào có <i>m, l</i> và đánh dấu vào giấy. Trò chơi “Đặt tên”. - Bé tìm từ nào có <i>m, l</i> .	- Trẻ về 4 đội hoạt động. - Trẻ hát theo hiệu lệnh của cô. - 2 đội thi đua tìm từ.
--	--

LÀM QUEN CHỮ M, N

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Phát triển nhận thức và ngôn ngữ

- Hiểu được nội dung câu chuyện.
- Nhận biết phát âm *m, n* qua các từ trong câu chuyện.
- Nhận ra những đặc điểm giống nhau và khác nhau qua nét viết giữa hai chữ *m, n*.
- Ôn luyện kỹ năng đo chiều cao.

2. Phát triển thẩm mỹ

Khuyến khích sáng tạo chữ *m, n* qua các hình thức làm truyện tranh, cắt dán chữ, vận động tạo dáng.

3. Tình cảm xã hội

- Chăm sóc vật nuôi trong gia đình.

II. PHƯƠNG PHÁP - BIỆN PHÁP

- Chủ đạo: kể chuyện, đàm thoại.
- Kết hợp: trò chơi, luyện tập theo nhóm.
- Hình thức: nhóm.

III. CHUẨN BỊ

1. Đối với cô

- Tạo môi trường chữ phù hợp với chủ đề ĐỘNG VẬT (viết bài thơ “Mèo đi câu cá”, viết câu đố, câu chuyện có nhóm chữ *m, n*).
- Bảng chữ *m, n* ở các dạng chữ in thường, viết thường, in hoa.
- Thẻ từ: con mèo, con cá, cái ghế, cái bàn, cái thang.
- Bảng nỉ, đàn oóc-gan, cát-sét, đĩa nhạc.
- Câu chuyện, bài thơ được cô kể và đọc ở mọi lúc mọi nơi.
- Trẻ làm quen với chữ *m, n* qua các hình thức cắt dán, viết theo mẫu, đọc truyện tranh.

2. Đối với trẻ

- Rổ thẻ chữ *m, n*, hình cái thang, ghế, tủ, bàn cho mỗi trẻ.

- Bài tập cho mỗi nhóm trẻ.

Nhóm 1: cát, vỏ sò.

Nhóm 2: sách báo, kéo, hồ dán.

Nhóm 3: bảng in hình đi kèm với từ để trẻ nối chữ cái với từ.

IV. NỘI DUNG LỒNG GHÉP

- Truyện: “Chú mèo thông minh”, tranh minh hoạ.

- Làm quen với toán: luyện tập cách đo chiều cao của các vật.

- Âm nhạc: nhạc không lời.

V. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Dẫn dắt. - Cô kể chuyện, sử dụng đồ dùng minh hoạ: <i>Một hôm mèo đi học về, mèo rất đói bụng. Đến cổng nhà, mèo ngửi thấy mùi thức ăn thơm lừng ở trong nhà bay ra. Mèo chưa phát hiện được mùi thức ăn bay ra từ đâu thì thấy một chú chó đang ngó lên tú. Hoá ra trên đó có đĩa cá rán, vàng, ngon ơi là ngon. Xung quanh đó chỉ có 1 cái thang, 1 cái ghế, 1 cái bàn.</i> * Hoạt động 2: Khám phá. - Cô đàm thoại: Theo con, trong hai con mèo và chó, con nào sẽ lấy được đĩa cá rán? Tại sao con biết là con...? - Cô cho trẻ tìm thẻ từ “con mèo”. - Cô đặt câu hỏi: trong từ “con mèo” có chữ nào mà các con vừa được học? - Chữ <i>m</i> phát âm như thế nào? - Cô phát âm thật chuẩn lại để trẻ	Trẻ nghe kể. - Trẻ trả lời: con mèo. - Con chó không trèo lên cao được. - Con chó không thích ăn cá, nó chỉ thích ăn xương thôi. - Trẻ đọc to từ “con mèo”. - Trẻ phát hiện chữ <i>m</i> trong thẻ từ. - Trẻ đọc lên cho cô nghe. - Trẻ phát âm tập thể, nhóm, cá nhân.

nghe, quan sát miệng cô (cô đọc to, nhỏ, thầm). - Cô đàm thoại: + Theo con, bạn mèo sẽ làm cách nào để bắt được con cá? + Tại sao nó không trèo lên ghế, bàn? + Tại sao nó chọn cái thang? + Làm sao con biết cái thang cao nhất? + Có cách nào để biết chính xác cái thang cao bằng cái tủ? + Con đo như thế nào? + Chiều cao của cái bàn (cái ghế) như thế nào so với cái thang? + Vậy trong 3 thứ: cái bàn, cái ghế, các thang cái nào cao nhất? - Các con hãy tìm từ “cái thang”. - Tương tự cô cho trẻ tìm chữ <i>n</i> như chữ <i>m</i> phần trên. - Cô phát âm mẫu. - Cho trẻ so sánh hai chữ <i>m</i>, <i>n</i> để tìm sự giống và khác nhau. - Giới thiệu chữ viết thường, chữ in của <i>m</i>, <i>n</i>. * Hoạt động 3: Củng cố. - Phát triển thính giác. - Phát triển thị giác. - Phát triển xúc giác. Cô phát chữ nổi. - Thông qua trò chơi “Chiếc túi kì diệu”. - Cô bật nhạc không lời để trẻ vận động sáng tạo.	- Mèo trèo lên thang. - Vì cái thang cao bằng cái tủ. - Vì cái thang cao nhất. - Cái thang cao bằng cái tủ. Con nhìn thấy như vậy. - Con đo. - Trẻ đo cái thang với cái tủ (xếp hình cái thang cạnh chiếc tủ). - Trẻ thực hiện cách đo xếp ghế, bàn, cạnh thang. - Con thấy cái ghế, cái bàn thấp hơn cái thang. - Cái thang. - Trẻ tìm từ “cái thang”. - Trẻ tìm chữ <i>n</i> trong từ cái thang. - Trẻ phát âm theo cô. - Trẻ phát âm tập thể, nhóm, cá nhân. - Nêu ý kiến nhận xét và so sánh hai chữ <i>m</i>, <i>n</i> (qua nét chữ, cách phát âm) - Trẻ tìm chữ, và phân biệt đâu là chữ <i>m</i>, <i>n</i> in thường, chữ viết qua các hình mẫu của cô giới thiệu. - Nghe âm tìm chữ cái. - Nghe tiếng tìm âm. - Tìm chữ cái có trong từ. - Trẻ sờ và đoán chữ cái nổi. - Trẻ vận động sáng tạo, sau đó kết nhóm tạo dáng chữ cái (chữ <i>n</i>: một trẻ đứng thẳng, một bạn ôm eo cong người xuống; chữ <i>m</i>: như chữ <i>n</i> thêm
--	---

- Kết thúc câu chuyện: + Theo con câu chuyện được kết thúc như thế nào? + Bạn mèo sẽ cư xử như thế nào với bạn chó để ai cũng khen mèo là người bạn lịch sự, tốt bụng? + Con đặt tên câu chuyện là gì? Cô khuyến khích trẻ đóng kịch ở góc chơi, làm truyện tranh (sau khi kết thúc hoạt động chung) * Hoạt động nhóm: (có thể tiến hành ở hoạt động góc) - Nhóm 1: viết theo mẫu chữ do cô viết trên cát, hoặc xếp vỏ sò trên cát theo mẫu. - Nhóm 2: cắt dán chữ <i>m, n</i> trong báo. - Nhóm 3: nối chữ <i>m, n</i> với từ có chứa chữ cái (có hình kèm theo).	một bạn đứng trước. Có thể nằm cũng tạo được chữ). - Bạn mèo chia cho bạn chó một nửa con cá rán. - Bạn mèo mời bạn chó đến ăn tiệc. - Người bạn tốt bụng. - Ai là người lịch sự? - Đĩa cá rán thơm lừng. - Bữa tiệc vui vẻ.
--	---

LÀM QUEN CHỮ O, Ô, Ơ

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Trẻ nhận biết và phát âm đúng các chữ o, ô, ơ.
- Nhận ra âm và chữ o, ô, ơ trong các từ trọn vẹn.
- Thể hiện nội dung chủ điểm trường mầm non: cô giáo, kéo co, chũm nho...
- Biết sử dụng kĩ năng vẽ, vận động, trò chơi để nhận biết, phát âm chữ o, ô, ơ.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh vẽ: chũm nho, cô giáo, cái nơ.
- Bộ thẻ chữ cho cô và cháu.

III. HƯỚNG DẪN

- Cô và trẻ hát bài: "Trường cháu đây là trường mầm non".
- Cô trò chuyện với trẻ về trường mầm non.
- Cô hỏi:
 - + Bài hát vừa rồi có những ai?
 - + Ngoài ra còn có ai nữa?
 - + Công việc của cô hằng ngày là gì?
 - + Công việc của những người khác trong trường (như cấp dưỡng, lao công...)?
- Cho trẻ đọc bài thơ "Mẹ và cô":

*Buổi sáng bé chào mẹ
Chạy tới ôm cổ cô
Buổi chiều bé chào cô
Rồi òa vào lòng mẹ
Mặt trời mọc rồi lặn
Trên đôi chân lon ton
Hai chân trời của con
Là mẹ và cô giáo.*

- Cô cho trẻ xem tranh cô giáo, đọc các chữ dưới tranh, tìm những chữ cái đã biết.

+ Đây là tranh vẽ gì?

+ Cô chỉ vào từ “cô giáo”. và cho trẻ đọc từ “cô giáo”.

+ Cô giới thiệu chữ o và ô.

+ Cô cho trẻ phát âm.

+ Cho trẻ xem tranh “Cái nơ”. Cô tiến hành các bước tương tự trên.

- Cô cho trẻ quan sát các chữ o, ô, ơ và so sánh chữ o với chữ ô, chữ o với chữ ơ.

- Cô hỏi:

+ Chữ o khác với chữ ô ở chỗ nào?

+ Chữ o khác với chữ ơ chỗ nào?

- Trò chơi tìm chữ cái theo hiệu lệnh:

+ Cô phát thẻ chữ o, ô, ơ cho trẻ. Trẻ tìm đúng chữ theo hiệu lệnh của cô rồi giơ lên.

+ Cô phát âm o, trẻ tìm chữ o giơ lên theo hiệu lệnh của cô.

- Trò chơi hát theo chữ “*Trái đất này là của chúng mình*”

Trẻ hát: Khi cô đưa dấu hiệu chữ o thì trẻ hát lời bài hát thành chữ o.

Ví dụ: *Trái đất này là của ô ô..., quả bóng xanh ơ ở ở ơ...*

- Trò chơi “*Ai nhanh hơn*”.

Chia làm hai đội. Khi nghe hiệu lệnh “bắt đầu”, người đầu tiên nhảy qua hai vạch lên bảng nối những từ có chứa o, ô, ơ với các chữ o, ô, ơ ở giữa và chạy về. Người thứ hai tiếp tục.

Cho trẻ chơi 3 lần.

- **Kết thúc.**

ÔN CÁC CHỮ ĐÃ HỌC

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Trẻ nhận biết các chữ đã học o, ô, ơ, a, ă, â, u, ư, i, t, c.
- Trẻ biết chọn từ để đặt câu.
- Trẻ biết tìm từ tương ứng với hành động và đặc điểm hoạt động của một số con vật thể hiện trên hình vẽ.

II. CHUẨN BỊ

- 4 bài thơ, bút lông, bảng nỉ.
- 1 số hình các con vật và thẻ từ tương ứng với hình.
- Thẻ từ: *bơi, nhảy, chạy, đu, bò.*
- 1 số hình ảnh: *bé bơi, bé chạy, đu, bò, cá bơi, chó chạy, thỏ nhảy, cá sấu bò, khỉ đu.*
- 1 số hoa rời.
- Máy vi tính, máy nhạc.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: - Hát kết hợp vận động bài: <i>Con cào cào.</i> - Trò chuyện về con cào cào. - Hỏi trẻ tên 4 bài thơ. - Hỏi trẻ những chữ đã học. * Trò chơi "Ai nhanh hơn"? - Cách chơi: Chia lớp thành 4 nhóm. Đại diện 4 nhóm lên lấy bài thơ, chạy về đúng nơi sống của con vật có trong bài thơ, gạch dưới chữ theo yêu cầu. Đội nào làm xong nhanh và đúng là thắng cuộc. - Tổ chức cho trẻ chơi. - Tập hợp trẻ lại để kiểm tra lẫn nhau - cho nhận xét.	- Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời. - Trẻ nghe cô giải thích cách chơi và luật chơi. - Trẻ về đội của mình và thực hiện theo yêu cầu của cô. - Trẻ kiểm tra bài thơ của cô và nhận xét.

- Cô kết luận đội thắng. - Chuyển tiếp: hát bài “Một con vịt”. * Hoạt động 2: Trò chơi “Tìm bạn thân” <i>Cách chơi:</i> + Lần 1: Cho mỗi trẻ nhận một thẻ từ hoặc một hình. Trẻ quan sát xem trong hình, từ vẽ gì. Sau đó chia trẻ thành 2 nhóm: nhóm thẻ hình và nhóm thẻ từ. Trẻ cầm thẻ hình đọc tên nhân vật có trong hình, trẻ có thẻ từ tương ứng chạy đến nắm tay bạn. - Tổ chức cho trẻ chơi. + Lần 2: Yêu cầu mỗi đội tìm chữ đã học có trong từ và đặt câu theo từ, sau đó gắn lên bảng. Trẻ phía dưới lắng nghe và sửa sai cho bạn (nếu có). * Hoạt động 3: Trò chơi “Ai tinh mắt”. + Lần 1: Cho trẻ xem một đoạn phim (cô chuẩn bị sẵn), yêu cầu trẻ chú ý xem trong phim bé đang làm gì, các con vật đang làm gì. Cô hỏi trẻ những hình ảnh đã xem. Khi trẻ trả lời cô ghi lên bảng. Cô cùng trẻ kiểm tra lại bằng cách xem lại đoạn phim. + Lần 2: Thi đua 2 đội nam - nữ. Cô gắn các từ: “nhảy - chạy - bơi - đu - bò” lên bảng. Cho trẻ đọc lại các từ đó theo cô. - Mỗi đội có hình ảnh về em bé và các con vật. Trẻ lên gắn hình tương ứng với từ cô gắn lên bảng. Đội nào xong nhanh và đúng thì thắng cuộc. - Tổ chức cho trẻ chơi. - Cô và trẻ cùng kiểm tra lại. - Cô và trẻ cùng đọc lại hình và từ. - Cô nói tên các con vật, trẻ làm hành động của các con vật đó.	- Trẻ lắng nghe cô giải thích cách chơi. - Trẻ chơi theo yêu cầu của cô. - Từng đội thực hiện trò chơi. - Trẻ xem phim. - Trẻ trả lời theo sự quan sát của trẻ. - Trẻ xem lại phim. - Trẻ nghe cô giải thích cách chơi. - Trẻ về đội hình và chơi cùng cô. - Trẻ kiểm tra lại. - Trẻ đọc theo cô.
--	---

LÀM QUEN CHỮ B, P, PH

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Giáo dục

- Hình thành về các chữ *b, p, ph*. Trẻ biết phát âm, nhận biết và phân biệt *b, p, ph* theo kiểu chữ in thường và viết thường.
- củng cố các kiểu chữ thông qua trò chơi.

2. Giáo dục

- Tạo cho trẻ thói quen học tập, biết giờ tay phát biểu, biết chú ý lắng nghe.

3. Phát triển

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Phát triển tư duy, trí nhớ cho trẻ thông qua trò chơi.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ chữ in thường, chữ viết thường *b, p, ph*.
- Tranh: đường phố, xe ô tô, người đi bộ.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Ổn định và cho trẻ hát bài “Đường và chân”. - Trò chuyện với trẻ: + Sáng nay con đi đến trường bằng phương tiện gì? + Các phương tiện này thuộc loại phương tiện giao thông nào? + Ngoài đường bộ thì còn đường gì? Có phương tiện gì? * Hoạt động 2: Giới thiệu bài: + Các con có nghe âm thanh gì không? (Cô mở băng có âm thanh tiếng còi xe, tiếng xe cứu hỏa, tiếng xe máy chạy...). - Đó là âm thanh của các phương tiện giao	- Trẻ hát. - Trẻ trả lời. - Trẻ trả lời.

thông ở một đường phố vào buổi sáng thật nhộn nhịp và tấp nập phải không?

- Trẻ trả lời.

- Cô đưa tranh đường phố có gắn thẻ chữ.

- Trẻ đọc.

- Cô cho trẻ đọc: *đường phố* (2 lần).

- Trẻ đọc.

- Cô có 2 chữ *p* và *h*, ghép lại đọc là *ph*.

- Cô đưa hình cái phao có thẻ thiếu chữ *ph*.

- Các con xem đây là cái gì con?

- Các con xem các thẻ chữ cô gắn đã đúng chưa?

- Trẻ trả lời.

- Còn thiếu chữ gì, bạn nào lên gắn giùm cô?

- Bạn nào còn biết về từ có âm “ph” hãy nói cho cô và các bạn cùng nghe? (*tô phở, phở bò, thành phố...*)

- Trẻ trả lời.

- Cô giới thiệu chữ “p”.

- Hỏi nãy con có nghe tiếng xe gì chạy vội vã vậy?

- Trẻ trả lời.

- Xe cấp cứu. Xe cấp cứu kêu như thế nào?

(*pí po, pí po...*)

- Cô đưa tranh xe cấp cứu ra:

- Trẻ trả lời.

+ Đây là xe gì?

+ Nó kêu *pí po, pí po*. Cả lớp mình cùng đọc theo cô. Bạn nào có thể lên làm lại tiếng xe cấp cứu?

- Trẻ trả lời.

- Cô đưa tranh bác tài xế bóp còi: *pín pín*.

Sau đó cho trẻ lên gắn chữ còn thiếu của tranh.

- Trẻ đọc theo cô: *p*.

- Trẻ đọc.

- Cô chú ý sửa sai cho trẻ khi đọc chữ *p*.

- Cô giới thiệu chữ *b*.

- Cô đưa tranh em bé đang tập lái ô tô. Đây là ai vậy?

- Trẻ trả lời.

- Các con tìm trong thẻ chữ các chữ đã học (*e, m*).

- Có chữ gì chưa học?

- Trẻ trả lời.

- Chữ *b* (cho trẻ đọc 2 lần).

- Trẻ đọc.

- Cô lại đưa tranh 1 em bé béo phì khác.

Gọi trẻ lên điền chữ thiếu vào. (chữ *b*)

- Bây giờ các con đã biết những chữ gì rồi?
Cô cũng có chữ giống như chữ đã học. Các con đọc theo cô.

- Cô giúp trẻ so sánh chữ *p*, *b*.

*** Hoạt động 3:** Trò chơi

- Các con có muốn chơi trò chơi này với cô không?

Chơi trò chơi tạo dáng chữ *b*, *p*, *ph*.

- Trò chơi khác: “*Ai tinh mắt*”.

Cô chia cả lớp làm hai hoặc ba đội, chơi tiếp sức. Bảng chữ xếp các chữ lộn xộn, trong đó có chữ *b*, *p*, *ph*. Yêu cầu trẻ lên nối các chữ lại với nhau: chữ *b* nối với chữ *b*, các chữ cái khác cũng vậy. Ai nhanh hơn thì thắng. Khi chạy lên nối chữ thì phải bật xa qua cầu...

- Cô nhận xét trò chơi. Cho trẻ vào các góc tập viết.

Nhận xét và kết thúc tiết học.

- Trẻ đọc.

- Trẻ chơi.

LÀM QUEN CHỮ I, T, C

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Trẻ nhận biết cách phát âm đúng chữ *i, t, c*.
2. Giúp trẻ diễn đạt mạch lạc thông qua việc kể về sự phát triển của con vịt.
3. Giúp trẻ hiểu biết thêm về sự sinh trưởng và phát triển của con vịt.

II. CHUẨN BỊ

- Đài và băng nhạc bài hát “Một con vịt”.
- Đoạn phim về sự sinh trưởng và phát triển của con vịt, máy tính phóng hình qua ti vi màn hình rộng.
- Các tranh “trứng vịt”, “trứng nứt vỏ” có từ tương ứng phía dưới.
- Mẫu chữ *i, t, c* in thường, in hoa và viết thường trong máy.
- Thẻ chữ *i, t, c* ghép thành từ chỉ tên các con vật (có hình ảnh là mô hình con vật kèm theo) để xung quanh lớp vừa tầm với của trẻ, sao cho mỗi trẻ có 3 chữ *i, t, c*.
- Tranh vẽ các con vật có tên gọi chứa chữ *i, t, c* và không chứa chữ *i, t, c* (vịt, cá, chim, voi, mèo, kiến).
- Hai bảng để gắn tranh, bút dạ to, chữ *i, t, c*, que chỉ.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Đàm thoại về sự sinh trưởng và phát triển của một số con vật (trong đó có vịt). - Cô bắt nhịp và múa cùng trẻ bài “Một con vịt”. - Đàm thoại với trẻ: + Các cháu vừa hát về con gì? + Ngoài con vịt, các cháu còn biết những con gì? + Con vịt lớn lên như thế nào? Hỏi về sự lớn lên của các con vật mà	- Trẻ hát múa cùng cô. + Trẻ trả lời “con vịt”. + Trẻ trả lời theo hiểu biết của mình. (gà, chó, mèo, trâu, bò, lợn,...) + Trẻ trả lời theo hiểu biết của mình. - Trẻ ngồi trước màn hình theo hình

trẻ biết (hỏi 2 - 3 trẻ): “Để xem các bạn trả lời có đúng không, cô cháu mình cùng xem một đoạn phim nhé”. (Đoạn phim dài 2 phút). - Sau khi xem xong phim, cho trẻ quan sát bức tranh minh họa sự phát triển của con vịt. Bức tranh 1: Trứng vịt Bức tranh 2: Trứng nứt vỏ Bức tranh 3: Con vịt Yêu cầu trẻ sắp xếp theo thứ tự phát triển và nói về nội dung các bức tranh. * Hoạt động 2: Giới thiệu chữ <i>i, t, c</i> <i>Trò chơi “Tìm chữ tương ứng”</i> Dưới bức tranh là từ “trứng vịt”, “trứng nứt vỏ”, “vịt con”. Yêu cầu trẻ chọn chữ tương ứng trong rổ chữ gắn vào dưới các từ. - Yêu cầu trẻ kiểm tra lẫn nhau - Cô cắt 2 bức tranh “trứng nứt vỏ”, “vịt con” bằng cách úp mặt phải tranh vào bảng. Cho trẻ hoạt động với bức tranh “trứng vịt”. + Yêu cầu trẻ đọc từ “trứng vịt”. + Yêu cầu trẻ rút những chữ đã học và phát âm. + Giới thiệu và phát âm chữ <i>i</i>, yêu cầu trẻ phát âm theo. - Tương tự cho trẻ hoạt động với bức tranh “trứng nứt vỏ”, “vịt con” để giới thiệu chữ <i>t, c</i>. - Giới thiệu chữ <i>i, t, c</i> in hoa và viết thường. - Cô và trẻ cùng chơi “chữ gì biến mất, chữ gì xuất hiện”.	vòng cung, quan sát đoạn phim về sự sinh trưởng và phát triển của con vịt trên màn hình. Trẻ vừa xem, vừa trao đổi về các hình ảnh trong phim. - Trẻ chia làm 3 tổ, tìm chữ tương ứng trong rổ gắn phía dưới từ của các bức tranh. - Trẻ kiểm tra. + Trẻ đọc 2, 3 lần. + Trẻ thực hiện yêu cầu của cô. + Trẻ phát âm nhiều lần theo cả lớp, nhóm, cá nhân chữ <i>i</i>. - Trẻ làm theo yêu cầu của cô. - Trẻ đọc chữ <i>i, t, c</i> in hoa và viết thường. - Trẻ đọc chữ theo trò chơi.
---	--

* Hoạt động 3: Các trò chơi ôn luyện, nhận biết và phát âm chữ <i>i, c, t</i>. Trò chơi 1: Truyền tin - Luật chơi: Bạn thứ nhất lên nhận thẻ chữ (bí mật), sau đó chạy về đội của mình đọc thầm vào tai bạn thứ 2; bạn thứ 2 “truyền tin” cho bạn thứ 3, cứ như vậy cho đến bạn cuối cùng, sau khi được “tin truyền” đi tìm chữ đó ở chung quanh lớp. Đội nào làm đúng, nhanh đội đó thắng. Trò chơi 2: Úm ba la - Cô yêu cầu trẻ tìm đủ 3 chữ <i>i, t, c</i> và ngổi hình chữ U (Cô kiểm tra trẻ - trẻ kiểm tra nhau). - Luật chơi: úp 3 chữ, đảo vị trí kết hợp đọc đồng dao đến câu “Bắt được chữ nào, đọc to chữ ấy” thì giờ một thẻ chữ bất kì đọc. - Yêu cầu trẻ kiểm tra lẫn nhau. Lần 2: Chơi theo hiệu lệnh “úm ba la mở ra chữ gì”, chơi với tốc độ nhanh hơn. Trò chơi 3: Ai nhanh nhất - Tìm chữ <i>i, t, c</i> rồi gạch chân và đọc chữ đó trong các bức tranh (hình ảnh các con vật có từ biểu thị ở dưới) chia làm 2 đội, đội nào đọc đúng nhiều chữ thì thắng. - Cô và trẻ cùng kiểm tra. Kết thúc: Cho trẻ tìm chữ <i>i, t, c</i> có ở các biểu bảng xung quanh lớp học.	- Trẻ chia 3 đội chơi theo yêu cầu của cô. - Trẻ chơi 2 lần. - Trẻ tìm đủ <i>i, t, c</i> ngổi hình chữ U. - Chơi theo yêu cầu của cô. - Trẻ chơi 2 lần. - Trẻ chia thành 2 đội Xanh - Đỏ chơi theo yêu cầu của cô. - Trẻ chơi 1 lần. - Kiểm tra lẫn nhau. - Trẻ thực hiện.
---	---

LÀM QUEN CHỮ U, Ư

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Qua lời nhân vật “bướm” trong câu chuyện “Bác sĩ Ai - bô- lít làm việc”, trẻ nhận ra chữ u, ư trong từ và câu.

- Biết đặt tên nhân vật kèm theo tính cách, hành động của nhân vật.

- Trẻ điền u, ư vào các từ chỉ tên nhân vật trong truyện.

- Trẻ tiếp tục được củng cố các thanh điệu huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng và thanh ngang.

2. Kỹ năng

- Nhận biết, phân biệt chữ u, ư. Đặt từ có chữ u, ư và phát âm các tiếng có thanh điệu khác nhau.

- Chú ý lắng nghe sự thay đổi theo tiếng, rèn luyện sự chú ý thính giác và ghi nhớ.

- Tô viết các con chữ.

3. Phát triển

- Phát triển khả năng nghe các âm vị, chú ý, điều chỉnh giọng nói.

- Phát triển trí nhớ có chủ định.

4. Giáo dục

- Tính kỉ luật, tập trung trong tập thể.

II. CHUẨN BỊ

- Trước khi tổ chức giờ học, cô chuẩn bị một số hoạt động khác cho trẻ làm quen như:

+ Môi trường xung quanh: Trò chuyện với trẻ về chăm sóc sức khỏe, tên các con vật có chữ u, ư.

+ Tạo hình: Trẻ tô màu, vẽ sáng tạo, cắt dán chữ u, ư.

+ Âm nhạc: Cho trẻ nghe và hát các bài hát về nghề nghiệp.

III. ĐỒ DÙNG HỌC CỤ

- Giấy để ghi các câu là lời của bướm và từ con trống chữ u, ư..

- Bút viết bảng.

- Bút chì cho mỗi trẻ.

- Thẻ chữ u, ư.

IV. HOẠT ĐỘNG GÓC

- Góc làm quen chữ viết: điền chữ thiếu, tập tô trang có chữ u, ư, sách, bút chì.

- Góc tạo hình: tập “Bé vui học chữ”, tập chỉ, kéo, hồ dán, bút màu.

- Góc văn học: sách truyện, bút các loại.

- Góc đóng vai: mũ các nhân vật, trang phục.

V. HOẠT ĐỘNG CHUNG

- Trục quan.

- Trò chơi.

- Thực hành.

VI. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: - Cho trẻ chơi tự do, nhẹ nhàng. - Cô đóng vai nhân vật bướm xuất hiện: “Chào các bạn, các bạn có biết tôi là ai không? Các bạn hãy đặt cho tôi một cái tên thật hay đi nào?”. Bướm dẫn các bạn đi chơi: “Ồi, ôi, cánh của mình bị rách rồi, các bạn gọi bác sĩ giúp mình với”. - Cô và trẻ đọc: <i>“Bác sĩ ơi, bác sĩ Cánh cháu bị rách rồi Đau, đau lắm bác ơi Bác chữa cho cháu với! Đau, đau lắm bác ơi”</i> - “Cám ơn các bạn, đây là lời nói của mình mà các bạn vừa giúp mình gọi bác sĩ. Bướm muốn các bạn hãy tìm những chữ mà các bạn	- Trẻ nói chuyện tự do với các bạn. - Trẻ quan sát, đặt tên cho nhân vật. - Trẻ và cô cùng đọc thơ. - Trẻ đọc các chữ.

đã học các rồi, bạn sẽ đọc lên” (Cô dẫn trẻ đến bảng, giao nhiệm vụ và đi cất mũ cánh).

*** Hoạt động 2:** Trò chơi

- Cô và các con sẽ chơi trò chơi với chữ *u, ư*.

- *Trò chơi “Đội nào giỏi nhất”:* Chia trẻ làm 2 đội, cô đưa chữ *u*, các bạn trong nhóm sẽ thảo luận và nói thầm vào tai cô, cô viết lên bảng rồi cùng trẻ kiểm tra (chơi tiếp tục với chữ *ư*).

- Cô giới thiệu tên những nhân vật trong câu chuyện nhưng còn thiếu chữ, cho trẻ ra bàn thực hiện viết thêm chữ còn thiếu.

*** Hoạt động 3:** Nghe sự thay đổi trong tiếng và trong các âm thanh.

- Cho trẻ đứng vòng tròn. Cô nói: “Lắng nghe, lắng nghe, hãy chú ý lắng nghe và lặp lại những từ cô nói”. Ví dụ:

Cô	Trẻ
Lu - Lư	Lu - Lư
Mút - Mút	Mút - Mút
Nu - Nư	Nu - Nư
Bút - Bút	Bút - Bút

(Cô tăng dần số lượng sau mỗi lần chơi, có thể cho trẻ so sánh sự khác nhau khi phát âm các từ)

- “Gió thổi, gió thổi”. Thổi tiếng các con đọc có dấu thanh. Ví dụ:

Cô	Trẻ
Thư	Thứ, thờ, thử
Tu	Tù, tú, tử
Câu	Cấu, cẩu, cậu

(Bạn trai nói, bạn gái kiểm tra và ngược lại)

- Trẻ nghe cách chơi và luật chơi.

- Trẻ chơi.

- Trẻ đứng vòng tròn lắng nghe.

- Trẻ nghe và diễn dấu thanh, đọc to.

Kết thúc.*** Hoạt động góc:**

- Góc làm quen chữ viết: + Trẻ tiếp tục điền chữ thiếu vào giấy rời.

+ Thực hiện với vở tập tô.

+ Viết tên nhân vật có chữ *u, ư*.

- Góc tạo hình: + Thực hiện trang chữ *u, ư*.

+ Cắt dán từ chứa chữ *u, ư*.

+ Đọc sách truyện về các nhân vật.

- Góc đóng vai: Trẻ đóng vai các nhân vật, diễn tả qua hành động ngôn ngữ của trẻ.

LÀM QUEN CHỮ V, R

(Bài 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Hình thành cho trẻ chữ *v, r* qua các kiểu chữ in thường và viết thường.
- Nhận biết và phát âm rõ các âm *v, r* trong từ.
- Phát triển khả năng quan sát, so sánh, suy đoán đối chiếu từ qua trò chơi.
- Giáo dục trẻ tích cực thảo luận, hợp tác cùng nhau tham gia hoạt động.

II. CHUẨN BỊ

* Đồ dùng của cô

- Môi trường hoạt động: có tranh và từ chứa chữ *v, r* (viết các kiểu chữ in thường, viết thường).

- Tranh vẽ hoa cúc vàng dưới tranh có từ “cúc vàng rực rỡ”.

* Đồ dùng của trẻ

- Nhiều thẻ chữ *v, r*.
- Tranh và từ có chứa từ *v, r*.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Giới thiệu chữ <i>v, r</i> - Trò chuyện về các loài hoa. - Có một bài thơ nói về loài hoa mà các con đã được học. Các con cùng đọc nhé ! (Đọc bài thơ “Hoa cúc vàng”). - Cô có một bức tranh, con đoán xem bức tranh vẽ hoa gì? - Ai có thể đặt câu tả về vẻ đẹp của hoa cúc? - Dưới tranh hoa cúc, cô có câu “Cúc vàng rực rỡ”. - Cô đọc câu thơ.	- Trẻ đọc thơ cùng cô. - Trẻ đoán theo suy nghĩ. - Trẻ đặt theo cảm xúc. - Trẻ đọc theo cô.

- Câu này có mấy tiếng? Đó là tiếng gì? - Cho trẻ tìm những chữ đã biết. - Còn lại 3 chữ <i>u, r, r</i>. - Con hãy tìm 2 chữ giống nhau. - Cô gắn chữ <i>r</i> lên bức tranh. - Đây là chữ gì? - Phát âm <i>r</i>. - Chữ <i>r</i> thuộc kiểu chữ gì? (in thường) - Con tưởng tượng xem chữ <i>r</i> giống cái gì? - Cô giới thiệu chữ <i>r</i> nét thẳng. - Còn lại chữ gì đây? (Cô gắn chữ <i>u</i> lên bức tranh). - Cho trẻ làm quen tương tự chữ <i>v</i>. - So sánh chữ <i>u, r</i> (theo kiểu chữ in thường) - Lưu ý cách đọc chữ <i>r</i> cong lưỡi đọc mạnh. * Hoạt động 2: Trò chơi “Bé làm nhà thơ” * Yêu cầu: Trẻ đọc được từ theo hình ảnh của đồ vật - đồ chơi và đọc được câu. * Cách chơi: Lần 1: Chia làm 3 nhóm. Mỗi nhóm cử 1 bạn đại diện lên lấy một tranh trong túi, cầm về tổ thỏa thuận và đọc từ tương ứng với tranh có chứa chữ <i>u, r</i>. Ví dụ: Nhóm 1 lấy được tranh quả vải, trẻ sẽ đọc “quả vải”. Nhóm 2 lấy được bức tranh con rùa và đọc “con rùa”. Lần 2: Đặt câu có nghĩa với từ tìm được. - Trẻ cầm tranh với từ tìm được, cùng thỏa thuận đặt thành câu có nghĩa. - Nhóm nào đặt được nhiều câu sẽ thắng cuộc. ví dụ: Từ “quả vải” - Đặt câu: + Quả vải ăn rất ngọt. + Bé thích ăn quả vải. - Cô ghi các câu lên bảng.	- Có 4 tiếng “cúc - vàng - rực - rỡ”. - <i>c, u, a, g, u...</i> trẻ đọc lên. - Trẻ nói theo suy nghĩ. - Trẻ đọc theo cô. - In thường. - Giống nhánh cây, cái liềm. - Trẻ chú ý và đọc theo cô. - Trẻ kết thành nhóm... trẻ lấy tranh và cùng thảo luận đọc từ đó. - Trẻ thảo luận và đặt câu có từ đã chọn được.
--	---

Hoạt động 3: Trò chơi “Tìm chữ trong từ”

* *Yêu cầu:* Trẻ tìm chữ thiếu gắn cho đủ vào dưới tranh và đọc từ đó.

* *Cách chơi:* Quanh lớp có nhiều tranh và từ tương ứng nhưng có từ còn thiếu chữ. Yêu cầu trẻ tìm ra chữ còn thiếu để gắn vào đúng từ ở trên.

Ví dụ: Con ...oi - Hình con voi.

*** Hoạt động 4:** Tô màu các con chữ.

*** Yêu cầu:** Trẻ tô con chữ đúng màu - đoán xem đó là con vật gì?

- Cho trẻ chơi thư giãn (những ngón tay dao chơi).

- Trẻ chơi theo yêu cầu.

- Trẻ thực hiện bài tập trong vở.

LÀM QUEN CHỮ V, R

(Bài 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Tiếp tục củng cố chữ *v, r*. Hiểu mối quan hệ giữa lời nói và chữ viết. Nhận biết được các kiểu chữ in thường và viết thường.

- Nhận biết *v, r* trong từ và phát âm *v, r* nhanh chính xác.
- Tìm và viết được chữ *v, r* còn thiếu trong từ.
- Trẻ suy đoán và đọc từ qua hình, phát triển ngôn ngữ sáng tạo khả năng tư duy qua trò chơi.

- Trẻ biết chia sẻ, hợp tác, cùng nhau tích cực tham gia hoạt động.

II. CHUẨN BỊ

- Vở tập tô, bút chì, phấn, bút lông.
- Bàn, ghế, bảng.
- Tranh ảnh có từ tương ứng.
- Đất nặn, hạt hạt, dây.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Trò chơi “Ai nhanh mắt”. * Yêu cầu: Trẻ tìm <i>v, r</i> trong bài thơ, ca dao, đồng dao. * Cách chơi: Chia trẻ thành 4 nhóm. Mỗi nhóm có một đoạn thơ, ca dao, đồng dao. Trẻ sẽ cùng thảo luận và tìm chữ <i>v, r</i> trong các đoạn thơ đó. Gạch dưới và ghi số lượng. * Hoạt động 2: Trò chơi “Cửa hàng rau quả”. * Yêu cầu: Trẻ tìm từ có chữ <i>v, r</i> và hình ảnh có từ minh họa. * Cách chơi: - Chia trẻ làm 2 nhóm (trai - gái). - Mỗi nhóm sẽ tham gia mua hàng tại 1 quầy	- Trẻ kết nhóm theo yêu cầu. - Trẻ cùng thảo luận và tìm chữ. - Trẻ tự phân nhóm. - Trẻ thực hiện theo yêu cầu.

hàng khác nhau. Trẻ đứng thành hàng dọc, lần lượt từng trẻ lên chọn hàng mua. Muốn mua được hàng, trẻ phải tìm được chữ còn thiếu trong từ dưới mặt hàng mà trẻ muốn mua. Ví dụ: Tranh quả vải. Quả ...ải * Hoạt động 3: Trò chơi “Bé khéo tay”. * Yêu cầu: Trẻ biết tạo hình các con chữ <i>v, r</i> bằng các nguyên vật liệu. * Cách chơi: Trẻ chơi theo nhóm, lựa chọn đa dạng các nguyên vật liệu để tạo hình con chữ <i>v, r</i>. * Hoạt động 4: Thực hiện bài tập. *Yêu cầu: Trẻ tô được chữ <i>v, r</i>. Tô từ dưới tranh và đọc. *Cách chơi: - Cô hướng dẫn cách viết chữ <i>v</i>. - Cô hướng dẫn đọc từ dưới tranh và sao chép từ dưới tranh. - Hướng dẫn chữ <i>r</i> giống chữ <i>v</i>. - Kết thúc: Trò chơi: “Những ngón tay dẻo chơi”. <i>Một ngày những ngón tay đi dạo. Xung quanh vườn xung quanh trường. Một ngày những ngón tay xinh đẹp. Ngắm nhìn trời xanh bao la.</i>	- Trẻ tìm chữ còn thiếu trong từ. - Trẻ đọc từ và tô chữ dưới tranh.
---	--

LÀM QUEN CHỮ V, R

(Bài 3)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

Trẻ tìm được chữ *r, v* trong từ, bài thơ qua các kiểu chữ in thường, viết thường, in hoa.

2. Kỹ năng

- Trẻ nhận biết nhanh chữ *v, r* trong các từ, câu qua các trò chơi.
- Biết sao chép lại các từ có chữ *v, r*.
- Biết phát âm đúng những từ có *v, r*.
- Biết cách viết từ trái sang phải.

3. Phát triển

- Tính nhanh nhẹn, chính xác.
- Tư duy ngôn ngữ qua các trò chơi.

4. Giáo dục

- Tính tập thể khi chơi.
- Yêu thích các phong cảnh đẹp của quê hương.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh phong cảnh có kèm từ.
- 3 đoạn thơ có các kiểu chữ khác nhau.
- Chữ *v, r*.
- Bìa trò-ki.
- 3 bản đồ Việt Nam (dạng sơ lược)
- Bút, bảng, cờ.

III. NỘI DUNG KẾT HỢP

- Làm quen với toán.
- Môi trường xung quanh.
- Âm nhạc.

IV. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
Ôn định. Cho trẻ hát và vận động theo bài hát “Yêu Hà Nội” * Hoạt động 1: Khởi động <i>* Trò chơi “Thi xem ai chọn đúng”.</i> - Cách chơi: chia trẻ thành 3 nhóm. Mỗi nhóm sẽ có một số tranh phong cảnh kèm từ. Trẻ sẽ chọn tranh nào có từ chứa chữ v, r gắn lên bảng. - Luật chơi: Khi nghe 3 tiếng trống báo hiệu thời gian chơi chấm dứt, nhóm nào chọn được nhiều từ và chọn đúng nhất, nhóm đó thắng. - Tổ chức cho trẻ chơi. - Cho trẻ đọc lại tên các tranh phong cảnh đã chọn. - Nhận xét sau khi trẻ chơi xong. * Hoạt động 2: Vượt chướng ngại vật <i>Trò chơi “Thi xem ai viết đúng”.</i> - Cách chơi: trẻ đã có 3 nhóm. Mỗi trẻ có nhiệm vụ chọn những bức tranh có chứa chữ v, r về để nhóm viết lại tên phong cảnh đã chọn. - Luật chơi: Khi nghe 3 tiếng trống báo hiệu thời gian chơi chấm dứt, nhóm nào viết đúng nhất, nhóm đó thắng. - Tổ chức cho trẻ chơi. - Cho trẻ đọc lại các từ trẻ đã viết. - Nhận xét kết quả sau khi chơi. * Hoạt động 3: Tăng tốc <i>Trò chơi “Ai tinh mắt thế”.</i> - Cách chơi: Mỗi nhóm sẽ nhận được một đoạn thơ. Nhiệm vụ của trẻ là tìm trong đoạn thơ đó có bao nhiêu chữ v, r. Sau đó ghi số lượng chữ đã tìm được. - Luật chơi: Khi nghe 3 tiếng trống báo hiệu thời gian chơi chấm dứt, nhóm nào tìm được các từ đúng và nhanh nhất, nhóm đó thắng.	- Trẻ vận động theo yêu cầu. - Trẻ tham gia trò chơi. - Trẻ đọc theo yêu cầu. - Chú ý nghe cô nhận xét. - Trẻ tham gia trò chơi. - Trẻ đọc theo yêu cầu. - Chú ý nghe cô nhận xét.

- Tổ chức cho trẻ chơi. - Trước khi vào trò chơi, cho trẻ đọc nội dung bài thơ. - Nhận xét kết quả sau khi chơi. * Hoạt động 4: Về đích <i>Trò chơi “Ai về đích trước”.</i> - Cách chơi: Mỗi nhóm sẽ nhận một hình bản đồ dạng sơ lược và một rổ chữ rời. Trên bản đồ có các chữ số. Trẻ sẽ phải chọn ở rổ chữ có số và màu tương ứng với chữ số và màu trên bản đồ. Sau đó sẽ viết chữ đã tìm được vào tờ giấy bên cạnh và tìm tranh nào có từ giống với từ trẻ đã viết gắn lên bản đồ. - Luật chơi: Khi nghe 3 tiếng trống báo hiệu thời gian chơi chấm dứt, nhóm nào viết đúng nhất và chọn tranh giống, nhóm đó thắng. - Tổ chức cho trẻ chơi. - Cho trẻ đọc lại tên tranh trẻ đã viết. - Nhận xét kết quả sau khi chơi. Kết thúc: Nhận xét cuối tiết. * Hoạt động góc: * Làm quen chữ viết: - Sao chép từ có chữ <i>v, r</i>. - Tô chữ <i>v, r</i>. - Chơi lô tô chữ. * Văn học: - Kể chuyện theo tranh. - Kể chuyện bằng cách thay thế hình ảnh. * Làm quen với toán: - Điền chữ số theo chiều tăng hoặc giảm. - Khoanh nhóm các chữ số. * Xây dựng: - Lăng Bác Hồ * Chơi phân vai: Cửa hàng bán bưu thiếp, bưu ảnh.	- Trẻ tham gia trò chơi. - Trẻ đọc theo yêu cầu. - Chú ý nghe cô nhận xét.
--	--

LÀM QUEN CHỮ S, X

(Bài 1)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Hình thành chữ s, x qua các kiểu chữ in thường, viết thường, in hoa.
- Nhận biết và phát âm đúng s, x đọc được từ có chứa s, x.
- Phát triển khả năng quan sát, so sánh, tưởng tượng qua trò chơi.
- Biết chia sẻ, giúp đỡ, hợp tác cùng hoạt động.

II. CHUẨN BỊ

- Rối khỉ, thỏ. Tranh chuyện *Sự tích mùa xuân* và từ tương ứng “sự tích”, “mùa xuân”.
- Chữ s, x.
- Tranh có từ tương ứng các loại thực vật có chữ s, x.
- Thẻ chữ rời s, x cho mỗi trẻ.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
Hoạt động 1: Giới thiệu chữ s, x * <i>Yêu cầu:</i> Nhận biết và phát âm đúng s, x. - Cô sử dụng rối khỉ và thỏ diễn cho trẻ xem. + Các bạn có biết mùa xuân xuất hiện khi nào? + Bác khỉ ơi! Chúng ta cùng làm chiếc cầu vòng đẹp để đón mùa xuân nhé, cầu vòng nhiều màu sắc. - Đoạn vừa nghe có trong câu chuyện gì? - Cô gắn tranh câu chuyện “Sự tích mùa xuân” và từ tương ứng. - Cho trẻ tìm chữ đã được làm quen rồi. - Thế tên truyện bắt đầu bằng chữ cái gì? - Còn lại chữ x, cô giới thiệu chữ s, x hôm nay trẻ sẽ làm quen.	- Trẻ theo dõi cô diễn rối. - Sự tích mùa xuân. - Trẻ đọc các chữ u, i, t, c, m, u, á, n. - Chữ s.

* Giới thiệu chữ <i>S</i> (in hoa). - Cô phát âm chữ <i>s</i>, (nhấn mạnh cong lưỡi khi phát âm và phát âm mạnh). - Đây là kiểu chữ gì? - Con tưởng tượng xem chữ <i>S</i> (in hoa) giống cái gì? - Cô giới thiệu câu: “Suối chảy ra sông”. - Con có nhận xét gì về 2 kiểu chữ <i>s</i> trong câu này? - Có một chữ có cách đọc gần giống chữ <i>s</i> nhưng khác về chữ viết, đoán xem đó là chữ gì? - Cô giới thiệu chữ <i>x</i> và phát âm chữ <i>x</i> cho trẻ nghe. Chữ “<i>x</i>” phát âm nhẹ, không cần cong lưỡi. - Chữ <i>x</i> này là kiểu chữ gì? Hình dạng giống cái gì? - So sánh <i>s</i> và <i>x</i> khác nhau điểm nào? Hoạt động 2: Trò chơi “Tìm đúng chữ” * Yêu cầu: Nhận biết chữ và phát âm đúng. * Cách chơi: Mỗi trẻ có 2 thẻ chữ rời <i>s</i>, <i>x</i>. - Cô đọc từ nào, trẻ nhìn khẩu hình lựa chọn chữ đang cầm giờ lên và phát âm lại. Ví dụ: Cô đọc <i>sáo</i>. Cô đọc <i>xe</i>. * Hoạt động 3: Trò chơi “Nhận họ nhận hàng” * Yêu cầu: Trẻ nhận biết nhanh, phát âm đúng chữ <i>s</i>, <i>x</i>. * Cách chơi: Mỗi trẻ tự chọn 1 hình có từ tương ứng hoặc thẻ chữ rời <i>s</i> và <i>x</i>. - Khi nghe hiệu lệnh “Nhận họ nhận hàng” thì trẻ bắt đầu tìm.	- Trẻ phát âm theo cô. - In hoa. - Cái móc, hoa văn cửa, con sâu đang bò. - Trẻ đọc theo cô. - <i>s</i> đứng đầu câu là chữ <i>S</i> in hoa - <i>s</i> đứng đầu chữ <i>sông</i> là chữ <i>s</i> in thường. - Chữ <i>x</i>. - Trẻ phát âm theo cô. - Giống cái kéo, giống chữ thập - Khác nhau là cách phát âm mạnh và nhẹ. Khác nhau chữ viết. - Trẻ giờ lên chữ <i>s</i> và đọc <i>sờ</i>. - Trẻ giờ lên chữ <i>x</i> và đọc <i>xờ</i>. - Họ hàng nhà nào thì chạy về nhà lấy.
---	---

Ví dụ: Trẻ cầm hình con sên có từ “con sên” đúng với bạn có thẻ chữ s và đọc to chữ s. Lần 2: Đổi thẻ và hình cho nhau. * Hoạt động 4: Trò chơi “Tìm từ”. * Yêu cầu: Tìm được từ có chữ s, x trong các loại hoa quả, rau củ và đặt câu với từ đó. * Cách chơi: Chia lớp thành 2 đội, cùng thảo luận, tìm 1 số từ và hình tương ứng dán ở trên môi trường, gắn lên bảng. Lần 1: Tìm từ có chứa s, x. Ví dụ: Nhóm bé trai tìm từ có chứa chữ s (<i>su su, hoa sen</i>). Nhóm bé gái tìm từ có chứa chữ x (<i>cây xanh, quả xoài</i>). - Cô cho trẻ đếm số từ tìm được và ghi số lượng. - Cô kiểm tra và giúp đỡ trẻ thực hiện. Lần 2: Từ những từ tìm được, trẻ đặt câu. Ví dụ: Nhóm từ “su su”, đặt câu: “Su su có màu xanh”. Nhóm bé gái lấy từ “cây xanh”, đặt câu: “Cây xanh che bóng mát”.	- Trẻ chia nhóm cùng tìm trên môi trường. Trẻ thực hiện tìm từ gắn lên bảng. - Trẻ đếm và ghi số lượng. - Trẻ thảo luận và đặt câu có từ tìm được.
---	---

LÀM QUEN CHỮ S, X

(Bài 2)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Tiếp tục củng cố chữ s, x. Hiểu mối liên hệ giữa lời nói với chữ viết.
- Nhận biết nhanh chữ s, x trong từ và phát âm chính xác.
- Phát triển kĩ năng suy đoán và đọc từ qua hình, phát triển ngôn ngữ sáng tạo - khả năng tư duy qua trò chơi.

II. CHUẨN BỊ

- Làm quen trước hoạt động của bài hát “Lí con sáo”.
- Hình nhân vật và từ tương ứng trong câu chuyện *Sự tích mùa xuân*.
- Băng nhạc bài “Lí con sáo”. Bài hát “Lí con sáo” ghi trong tờ bìa.
- Nguyên vật liệu: hồ, đất, dây.
- Hình cắt họa báo - Hai tờ bìa có hình gấu xám, chim sâu ở góc.
- Tập tô của trẻ, bảng phấn.
- Từ *chim sâu* và *gấu xám* (rời).

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của trẻ
* Hoạt động 1: Trò chơi “Ghép chữ giống mẫu”. - Trong câu chuyện <i>Sự tích mùa xuân</i> có những nhân vật nào? - Dưới các hình nhân vật cô để các từ tương ứng. - Cô đọc các con tìm 2 nhân vật có tên viết chữ s, x và tìm chữ s, x đứng ở vị trí nào? - Cách chơi: Lần 1: Chia trẻ làm 2 đội.	- Bác khỉ, thỏ con, gấu xám, chim sâu → trẻ chọn hình gắn lên. - Trẻ đọc từ tương ứng. - Gấu xám và chim sâu. - s đứng đầu chữ <i>sâu</i>, x đứng đầu chữ <i>xám</i>. - Mỗi trẻ chạy lên lấy 1 chữ hay 1 dấu đặt lên theo chữ mẫu dưới hình ảnh.

+ Đội 1: Ghép từ <i>gấu xám</i>. + Đội 2: Ghép từ <i>chim sâu</i>. Lần 2: Tìm trong họa báo các chữ <i>s, x</i> cắt dán vào bìa vừa ghép chữ. * Hoạt động 2: Trò chơi "<i>Tìm chữ s, x</i>". * Yêu cầu: Nhận biết nhanh những chữ <i>s, x</i> và ghi lại kết quả. * Cách chơi: Chia 3 nhóm theo yêu cầu. - Mỗi nhóm có 1 tờ bìa ghi lời thoại chuyện và bàn bạc tìm chữ <i>s, x</i> gạch theo yêu cầu và đếm số lượng. - Cô kiểm tra hoạt động của nhóm. * Hoạt động 3: Tạo dáng con chữ. - Yêu cầu luyện phát âm qua bài hát và tạo dáng đúng con chữ. - Cho trẻ nghe bài hát "<i>Lí con sáo</i>" (1 đoạn). Lần 1: Giới thiệu lời bài hát "<i>Lí con sáo</i>", cô chỉ vào từng từ và cho cả lớp hát. - Kết thúc: Cho đếm số lượng chữ <i>s, x</i> trong bài hát và chia đội tạo dáng 2 con chữ theo kiểu chữ in thường. * Hoạt động 4: Trò chơi "<i>Ai khéo léo</i>". * Yêu cầu: Trẻ tô chữ dưới tranh và tập viết chữ <i>s, x</i>. - Cô hướng dẫn trẻ viết chữ <i>x</i>. - Đọc từ dưới tranh và tô từ dưới tranh. - Hướng dẫn viết chữ <i>s</i>. - Trò chơi thư giãn: Sên bò bằng các ngón tay qua bài đồng dao <i>Sên sên sên sên</i> <i>Sên bò lên chuôi</i> <i>Sên múa tôi xem</i> <i>Sên sên sên sên</i>	- Trẻ thực hiện ghép từ vào bìa có hình minh họa. - Trẻ thực hiện. - Lấy bìa có ghi lời thoại và biết thực hiện. - Trẻ chú ý lắng nghe và đoán tên bài hát. - Trẻ thực hiện 2 nhóm. - Trẻ thực hiện cá nhân. - Trẻ tô hai hàng chữ <i>x</i>.
---	---

HƯỚNG DẪN TÔ NÉT CHỮ

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Trẻ biết cách tô đường thẳng, đường cong theo chiều từ trái sang phải.
- Biết cầm bút, giữ bằng ngón tay cái, ngón trỏ, ngón giữa.

2. Kỹ năng

- Trẻ tô theo chấm từ trái sang phải các đường thẳng, đường cong.
- Cầm bút tô khéo, không lệch ra ngoài.

3. Giáo dục

- Biết ngồi đúng chỗ, giữ gìn vở không quăn góc.

II. CHUẨN BỊ

* Hoạt động chung

- Bài thơ: “Bàn tay cô giáo”.
- Bảng phấn.
- Bút cho mỗi trẻ.

* Hoạt động góc

- Góc chữ viết: hột hạt, màu nước.
- Góc đọc sách: truyện, thơ theo chủ điểm.
- Góc đóng vai: tập viết, trống lắc.
- Góc tạo hình: đất nặn, bảng.

III. HƯỚNG DẪN

Hoạt động của GV	Hoạt động của cháu
* Hoạt động chung * Hoạt động 1: Cô đọc cho trẻ nghe bài thơ - Đọc thơ: “Bàn tay cô giáo” (lần 1) → hỏi trẻ: Bài thơ kể về ai? - Cô đọc lần 2, chỉ từng chữ ứng với tiếng phát ra. - Cô cho trẻ nhận xét cách đọc của cô. Cô đọc như thế nào?	 - Trẻ nhìn, nghe và đọc với cô. - Trẻ trả lời. - Trẻ thực hiện theo yêu cầu.

MỤC LỤC

• Lời nói đầu	3
• Làm quen chữ A, Ă, Â (Bài 1)	5
• Làm quen chữ A, Ă, Â (Bài 2)	8
• Làm quen chữ B, C (Bài 1)	11
• Làm quen chữ B, C (Bài 2)	14
• Làm quen chữ B, D, Đ (Bài 1)	16
• Làm quen chữ B, D, Đ (Bài 2)	19
• Làm quen chữ E, Ê (Bài 1)	21
• Làm quen chữ E, Ê (Bài 2)	24
• Làm quen chữ G, Y	27
• Làm quen chữ H, K (Bài 1)	30
• Làm quen chữ H, K (Bài 2)	33
• Làm quen chữ H, K (Bài 3)	37
• Làm quen chữ L, M, N	41
• Làm quen chữ M, L	44
• Làm quen chữ M, N	46
• Làm quen chữ O, Ô, Ơ	50
• Ôn các chữ đã học	52
• Làm quen chữ B, P, PH	54
• Làm quen chữ I, T, C	57
• Làm quen chữ U, Ư	60
• Làm quen chữ V, R (Bài 1)	64
• Làm quen chữ V, R (Bài 2)	67
• Làm quen chữ V, R (Bài 3)	69
• Làm quen chữ S, X (Bài 1)	72
• Làm quen chữ S, X (Bài 2)	75
• Hướng dẫn tô nét chữ	77

GIÁO ÁN MẦM NON

HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI CHỮ VIẾT

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OANH

Biên tập:

PHẠM QUỐC TUẤN

Trình bày bìa:

VÂN ANH

Sửa bản in:

C. TY TM ĐÔNG NAM

In 5.000 cuốn, khổ 17 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần In Hà Nội. Quyết định xuất bản số 535-2009/CXB/99TK-53/HN. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2010.

Bộ sách tham khảo



SÁCH LIÊN KẾT VỚI CÔNG TY ĐÔNG NAM ĐƯỢC PHÂN PHỐI TẠI:

HÀ NỘI

Nhà sách Kinh Đô
93 Phùng Hưng
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04.39360822 * Fax: 04.39360823
E-mail: nhasachkinhdo@vnn.vn
<http://www.nhasachkinhdo.com>

TP HỒ CHÍ MINH

Nhà sách Kinh Đô 2
225A Nguyễn Tri Phương - Phường 9
Quận 5 - Tp Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38547462 * Fax: 08.38547467
E-mail: nhasachkinhdo2@vnn.vn
<http://www.nhasachkinhdo2.com>

Giáo án MN - làm quen Chữ (k)



8935206501582

15,000

Giá: 15.000đ